

THIẾT BỊ ĐIỆN

WEGH6803CYH-VN
WEVH5531MYHK

*Thiết kế

Thiết kế mặt kính sang trọng với vẻ ngoài "trong suốt", mang đến nét thanh lịch và hiện đại cho mọi công trình.

*Công nghệ

Sản phẩm có kiểu dáng và cấu trúc độc đáo: ổ cắm dễ dàng tiếp xúc và chia sẻ điện giữa các phích cắm. Công tắc có nút bấm lớn cùng trang bị thêm công nghệ chạm nhẹ êm ái và trơn tru.

*Chất lượng

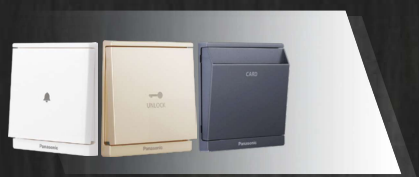
Vật liệu Urea resin cao cấp, khả năng chống cháy hiệu quả và an toàn khi sử dụng.



• WIDE SERIES



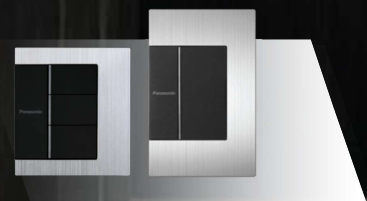
• HALUMIE - ACRYLIC
• FULL COLOR



• MODERVA



• MINERVA



• GEN-X



WEV502107SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

80.000



WEV502127SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar
5 cái/hộp, 50 cái/thùng

90.000



WEV5001SW/WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

23.000



WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

37.500



WEG5151-51SWK/WEG51517SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

116.000



WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

149.000



WEV5002SW/WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C - 2 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

47.000



WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

66.000



WEG5152-51SWK/WEG51527SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

137.000



WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

175.000



WEV5033-7SW
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

251.000



WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

312.000



WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

320.000



WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

327.000



WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

255.000



WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

109.000



WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

71.000



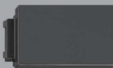
WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

149.000



WEG3032RSW
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

120.000



WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

16.000



WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng

11.500



WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone wire chip phi 9mm/16mm
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

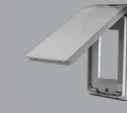
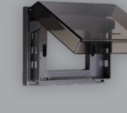
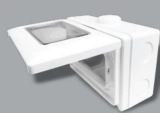
11.500



	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	42.600
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	103.000
	WEI1171SW-VN Xuất xứ Ấn Độ WEV117107SW Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	115.000 115.000
	WEV157207SW Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	150.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	89.000
	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6 Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5E/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	194.000 232.000
	WEG2021SW Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	776.000
	WEF108107-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2.4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
	WEF412417W-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	900.000
	WEF11821W Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	735.000
	WEF14821W-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.040.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	391.000
	WEG57912SW Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	776.000
	WEF5791501SW-VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.370.000
	WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	52.000
	WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	96.000
	WEV1582H/WEV1582-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	140.000
	WEI1171H-VN Xuất xứ Ấn Độ WEV117107H Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	160.000 160.000
	WEV157207H Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	220.000
	WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	134.000
	WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	134.000
	WEV2488H - CAT5E WEV24886H - CAT6 Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	232.000 280.000
	WEG2021H Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	929.000
	WEF108107H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2.4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	725.000
	WEF412417H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.045.000
	WEF11821H Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	850.000
	WEF14821H-VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.200.000
	WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	598.000
	WEG57912H Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	884.000
	WEF5791501H-VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.529.000

	WEG1001SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000
	WEG1090SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000
	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	18.700
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	18.700
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	18.700
	WEV68040SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	35.500
	WEV68060SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	35.500
	WEV138307SW Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bất vít Triple universal WIDE receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/thùng	130.000
	WEV1091SW/ WEG10919 Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000
	WEV7001SW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	18.700
	WEV680290SW Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.700
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	18.700
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.700
	WEV68920SW Mặt kín đôi Double cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	35.500

MẶT CÓ NẮP CHE

	WEG7901K-VN - Màu beige WEG7901SWK-VN - Màu trắng WEG7901HK-VN - Màu xám Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	249.000
	WEG7902K-VN - Màu beige WEG7902SWK-VN - Màu trắng WEG7902HK-VN - Màu xám Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	249.000
	WEG7903K-VN - Màu beige WEG7903SWK-VN - Màu trắng WEG7903HK-VN - Màu xám Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	249.000
	WEG8981K-VN Mặt có nắp che mưa Cần lắp cùng mặt nạ Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	239.000
	WEG79029K-VN - Màu beige WEG79029SWK-VN - Màu trắng WEG79029HK-VN - Màu xám Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55 Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	249.000
	WEG8973SW-VN Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang -3 Device Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	348.000
	WEG8973LH-VN Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang -3 Device Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	364.000



MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

	WEG6501-1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG6502-1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG6503-1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG65029-1 Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68010MW	31.000	WEV68010MB	31.000	WEV68010MH	31.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68020MW	31.000	WEV68020MB	31.000	WEV68020MH	31.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68030MW	31.000	WEV68030MB	31.000	WEV68030MH	31.000
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68040MW	52.000	WEV68040MB	52.000	WEV68040MH	52.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68060MW	52.000	WEV68060MB	52.000	WEV68060MH	52.000
	Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7061MW	31.000	WEV7061MB	31.000	WEV7061MH	31.000
	Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7001MW	31.000	WEV7001MB	31.000	WEV7001MH	31.000
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV680290MW	31.000	WEV680290MB	31.000	WEV680290MH	31.000
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68910MW	31.000	WEV68910MB	31.000	WEV68910MH	31.000

Refina MÀU

	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000

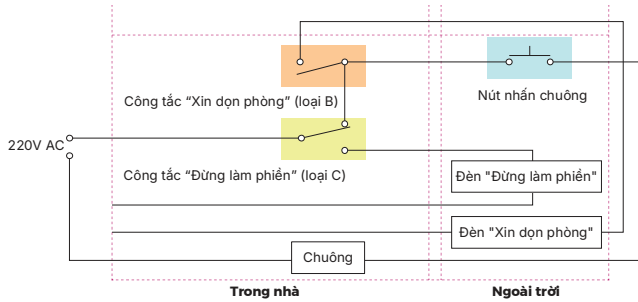
Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.500		WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	69.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung 250VAC - 10A, Switch C - 3 ways Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị Đóng gói 5 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	155.000		WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	300.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"



	WEG5001K-031 Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A Switch B "Make Up Room" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEG5002K-021 Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A Switch C "Do not disturb" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	56.000
	WSBC9120SW-VN/WSBC9120W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng	1.550.000
	WNB5428690FK Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A Dùng cho bếp điện từ, máy nước nóng BS Glow switch D double pole Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	492.000
	WEB1119SW-VN Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	126.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	23.500
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	23.500
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	23.500
	WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000

	WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Make Up Room" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	175.000
	WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	175.000
	WBC8981SW Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS dùng cho công tắc, ổ cắm Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	223.000
	WBC8991W Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS dùng cho công tắc ổ cắm Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	240.000
	WBG8981-P Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	235.000
	WEBP1041B-MH Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	262.000
	WEB7811MH Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7812MH Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7813MH Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7811MB Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7812MB Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000
	WEB7813MB Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	43.000

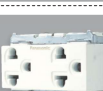
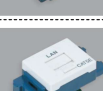
HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	(Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	25.000	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	40.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	25.000	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	40.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	25.000	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	40.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	132.000	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	177.000	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	177.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	155.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	218.000	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	218.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	51.000	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	73.000	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	73.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	51.000	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	73.000	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	73.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	51.000	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	73.000	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	73.000
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	100.000	WEVH554127MYZ	150.000	WEVH554127MYH	150.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	165.000	WEVH5542-7MYZ	250.000	WEVH5542-7MYH	250.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	280.000	WEVH5033-7MYZ	385.000	WEVH5033-7MYH	385.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	77.000	WEVH5401-011MYZ	130.000	WEVH5401-011MYH	130.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000	VỀ ĐẸP TỪ MỌI GÓC NHÌN			
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6801CW-VN	229.000	WEGH6801CYZ-VN	255.000	WEGH6801CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6802CW-VN	229.000	WEGH6802CYZ-VN	255.000	WEGH6802CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6803CW-VN	229.000	WEGH6803CYZ-VN	255.000	WEGH6803CYH-VN	255.000
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH68029CW-VN	229.000	WEGH68029CYZ-VN	255.000	WEGH68029CYH-VN	255.000

*Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 ổ đơn là 1cm

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	21.000	WEVH68010MYZ	40.600	WEVH68010MYH	40.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	21.000	WEVH68020MYZ	40.600	WEVH68020MYH	40.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	21.000	WEVH68030MYZ	40.600	WEVH68030MYH	40.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	37.500	WEVH68040MYZ	81.000	WEVH68040MYH	81.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	37.500	WEVH68060MYZ	81.000	WEVH68060MYH	81.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	21.000	WEVH8061MYZ	40.600	WEVH8061MYH	40.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	21.000	WEVH68910MYZ	40.600	WEVH68910MYH	40.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	21.000	WEVH680290MYZ	40.600	WEVH680290MYH	40.600
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	42.600	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	75.000	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	75.000
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	71.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	130.000	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	130.000
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	103.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	182.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	182.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	WEV1171SW-VN	115.000	WEV1171MYZ	210.000	WEV1171MYH	210.000
		WEV117107SW	115.000	WEV117107MYZ	210.000	WEV117107MYH	210.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEV157207SW	150.000	WEV157207MYZ	260.000	WEV157207MYH	260.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	WEF108107-VN	620.000	WEF108107MYZ-VN	880.000	WEF108107MYH-VN	880.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF412417W-VN	900.000	WEF412417MYZ-VN	1.300.000	WEF412417MYH-VN	1.300.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF11821W	735.000	WEF11821MYZ-VN	1.020.000	WEF11821MYH-VN	1.020.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF14821W-VN	1.040.000	WEF14821MYZ-VN	1.500.000	WEF14821MYH-VN	1.500.000
	Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	89.000	WEV2501MYZ	140.000	WEV2501MYH	140.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV2364SW	89.000	WEV2364MYZ	140.000	WEV2364MYH	140.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E	194.000	WEV2488MYZ - CAT5E	291.000	WEV2488MYH - CAT5E	291.000
		WEV24886SW - CAT6	232.000	WEV24886MYZ - CAT6	426.000	WEV24886MYH - CAT6	426.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	14.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	118.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	460.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	142.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	37.500
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	134.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	197.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	197.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	197.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	62.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	210.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	46.000
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	11.000
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	28.000
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	36.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	33.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	62.000
	WNV138307W Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A Triple universal FULL receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	70.000
	WNG159237W Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	85.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	58.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	68.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	96.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	182.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	11.000
	WN7601-8 Mặt 1 kim loại WN7602-8 Mặt 2 kim loại WN7603-8 Mặt 3 kim loại Stainless steel plate	98.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.300
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.300



Moderva



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ẢNH KIM		MÀU XÁM ẢNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	80.000	WMF501MYZ-VN	113.000	WMF501MYH-VN	113.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	88.000	WMF511MYZ-1VN	122.000	WMF511MYH-1VN	122.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	105.000	WMF502MYZ-VN	147.000	WMF502MYH-VN	147.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	113.000	WMF512MYZ-1VN	157.000	WMF512MYH-1VN	157.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	190.000	WMFV503307MYZ	268.000	WMFV503307MYH	268.000
	Bộ 1 công tắc E, 4 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	245.000	WMF594MYZ-VN	345.000	WMF594MYH-VN	345.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	116.000	WMF503MYZ-VN	163.000	WMF503MYH-VN	163.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	127.000	WMF513MYZ-1VN	177.000	WMF513MYH-1VN	177.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	138.000	WMF504MYZ-VN	190.000	WMF504MYH-VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	149.000	WMF514MYZ-1VN	207.000	WMF514MYH-1VN	207.000
	Bộ 2 công tắc E, 4 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	387.000	WMF596MYZ-VN	539.000	WMF596MYH-VN	539.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	157.000	WMF505MYZ-VN	222.000	WMF505MYH-VN	222.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	172.000	WMF515MYZ-1VN	237.000	WMF515MYH-1VN	237.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	177.000	WMF506MYZ-VN	245.000	WMF506MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	188.000	WMF516MYZ-1VN	265.000	WMF516MYH-1VN	265.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	232.000	WMF507MYZ-VN	323.000	WMF507MYH-VN	323.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	249.000	WMF517MYZ-1VN	348.000	WMF517MYH-1VN	348.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	260.000	WMF508MYZ-VN	362.000	WMF508MYH-VN	362.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	279.000	WMF518MYZ-1VN	392.000	WMF518MYH-1VN	392.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	50.000	WMFV7811MYZ	69.000	WMFV7811MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	50.000	WMFV7812MYZ	69.000	WMFV7812MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	50.000	WMFV7813MYZ	69.000	WMFV7813MYH	69.000
	Mặt kính đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	50.000	WMF6891MYZ-VN	69.000	WMF6891MYH-VN	69.000
	Công tắc thẻ - Không có đèn báo (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	799.000	WMF535MYZ-VN	851.000	WMF535MYH-VN	851.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	245.000	WMF984MYZ-VN	342.000	WMF984MYH-VN	342.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.149.000	WMF936MYZ-VN	1.194.000	WMF936MYH-VN	1.194.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	110.000	WMF223MYZ-VN	155.000	WMF223MYH-VN	155.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	110.000	WMF224MYZ-VN	155.000	WMF224MYH-VN	155.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	144.000	WMF533MYZ-VN	199.000	WMF533MYH-VN	199.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.254.000	WMF132MYZ-VN	1.315.000	WMF132MYH-VN	1.315.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	140.000	WMF301MYZ-VN	199.000	WMF301MYH-VN	199.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	149.000	WMF403MYZ-VN	193.000	WMF403MYH-VN	193.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	285.000	WMF421MYZ-VN	400.000	WMF421MYH-VN	400.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	450.000	WMF422MYZ-VN	627.000	WMF422MYH-VN	627.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	114.000	WMT501MYZ-VN	126.000	WMT501MYH-VN	126.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	140.000	WMT502MYZ-VN	152.000	WMT502MYH-VN	152.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	400.000	WMT594MYZ-VN	432.000	WMT594MYH-VN	432.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	182.000	WMT503MYZ-VN	191.000	WMT503MYH-VN	191.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	217.000	WMT504MYZ-VN	228.000	WMT504MYH-VN	228.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	763.000	WMT596MYZ-VN	829.000	WMT596MYH-VN	829.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	244.000	WMT505MYZ-VN	267.000	WMT505MYH-VN	267.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	260.000	WMT506MYZ-VN	283.000	WMT506MYH-VN	283.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	400.000	WMT507MYZ-VN	432.000	WMT507MYH-VN	432.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	478.000	WMT508MYZ-VN	512.000	WMT508MYH-VN	512.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	71.000	WMT7811MYZ-VN	93.000	WMT7811MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	71.000	WMT7812MYZ-VN	93.000	WMT7812MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	71.000	WMT7813MYZ-VN	93.000	WMT7813MYH-VN	93.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	71.000	WMT6891MYZ-VN	93.000	WMT6891MYH-VN	93.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN WMT707K-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN WMT707MYHK-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	175.000	WMT540108MYZ-VN	217.000	WMT540108MYH-VN	217.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.893.000	WEC5781MYZ-VN	1.997.000	WEC5781MYH-VN	1.997.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	458.000	WMTV503307MYZ	510.000	WMTV503307MYH	510.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMT421-VN	300.000	WMT421MYZ-VN	430.000	WMT421MYH-VN	430.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMT422-VN	550.000	WMT422MYZ-VN	680.000	WMT422MYH-VN	680.000
	Ổ Cắm Data Cat6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 modular jack	WMT431-VN	410.000	WMT431MYZ-VN	440.000	WMT431MYH-VN	440.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 2 devices modular jack	WMT432-VN	630.000	WMT432MYZ-VN	760.000	WMT432MYH-VN	760.000

*Giá bán đã bao gồm VAT



BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A



WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

840.000



WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.440.000



WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.150.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.890.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.570.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.300.000

*Bộ 4-5-6 công tắc lắp với đế âm NA102

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

705.000



WTFBP52562S-1-G
WTFBP52562S-SP (lắp ngang)
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.230.000



WTFBP53572S-1-G
WTFBP53572S-SP
(lắp ngang)
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.840.000

1.890.000

MẶT ĐẠY



WTFBP55137S-1
Bộ công tắc D có đèn báo
Illuminated switch D
2 ways, 2 devices with plate

830.000



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices

515.000



WTFB6503S-1-G
WTFB6503S-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate

440.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

139.000



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

139.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack

275.000

WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack

305.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

660.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây 16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

144.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip

18.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

915.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

1.205.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng

995.000



Ổ CẮM NỐI DÂY
RÚT CẮM NHẸ NHÀNG,
AN TOÀN CHẮC CHẮN



WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2,1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng

892.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng

505.000

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.186.000



DUF1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.446.000



DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WE1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.310.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.955.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1/ DU81931HT9-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle

939.000



DU8199HTK-1/ DU8199HT9-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

868.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BẢO CHÁY



Xuất xứ Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Độ cao trần 3.5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần

1.914.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1.000lux
Độ cao trần 3.0m

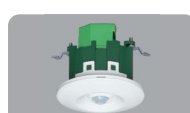
1.643.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKG2311/WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Độ cao trần 3,5m

2.777.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
Độ cao trần 3,0m

983.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF339107-VN
Cảm biến gắn trần cao - chiều cao lắp đặt lên đến 12.7m
8A 220V-240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

3.140.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần, độ cao trần 3.0m
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.290.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF337107-VN
Cảm biến góc rộng, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13.3m)
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi, độ cao trần 4.2m
chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

3.224.000



Xuất xứ Nhật Bản

SH2845591
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi

1.030.000

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã số Mode	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)		Mã số Mode	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
 Đóng gói 12 cái/hộp 48 cái/thùng	MCB 1P-1E C Curve 06kA	BBD1061CNV	06	92.500	 Đóng gói 12 cái/hộp 120 cái/thùng	BBD1061CHHV	06	140.000	
		BBD1101CNV	10			BBD1101CHHV	10		
		BBD1161CNV	16			BBD1161CHHV	16		
		BBD1201CNV	20			BBD1201CHHV	20		
		BBD1251CNV	25			BBD1251CHHV	25		
		BBD1321CNV	32			BBD1321CHHV	32		
		BBD1401CNV	40			BBD1401CHHV	40		
		BBD1501CNV	50	217.000		BBD1501CHHV	50	322.000	
		BBD1631CNV	63			BBD1631CHHV	63	801.000	
						BBD10801CHV	80	874.000	
 Đóng gói 6 cái/hộp 24 cái/thùng	MCB 2P-2E C Curve 06kA	BBD2062CNV	06	265.000	 Đóng gói 6 cái/hộp 60 cái/thùng	BBD2062CHHV	06	406.000	
		BBD2102CNV	10			BBD2102CHHV	10		
		BBD2162CNV	16			BBD2162CHHV	16		
		BBD2202CNV	20			BBD2202CHHV	20		
		BBD2252CNV	25			BBD2252CHHV	25		
		BBD2322CNV	32			BBD2322CHHV	32		
		BBD2402CNV	40			BBD2402CHHV	40		
		BBD2502CNV	50	438.000		BBD2502CHHV	50	660.000	
		BBD2632CNV	63			BBD2632CHHV	63	1.586.000	
						BBD20802CHV	80	1.747.000	
 Đóng gói 4 cái/hộp 16 cái/thùng	MCB 3P-3E C Curve 06kA	BBD3063CNV	06	469.000	 Đóng gói 4 cái/hộp 40 cái/thùng	BBD3063CHHV	06	707.000	
		BBD3103CNV	10			BBD3103CHHV	10		
		BBD3163CNV	16			BBD3163CHHV	16		
		BBD3203CNV	20			BBD3203CHHV	20		
		BBD3253CNV	25			BBD3253CHHV	25		
		BBD3323CNV	32			BBD3323CHHV	32		
		BBD3403CNV	40			BBD3403CHHV	40		
		BBD3503CNV	50	702.000		BBD3503CHHV	50	1.061.000	
		BBD3633CNV	63			BBD3633CHHV	63	2.122.000	
						BBD30803CHV	80	2.236.000	
 Đóng gói 3 cái/hộp 12 cái/thùng	MCB 4P-4E C Curve 06kA	BBD4164CNV	16	662.000	 Đóng gói 3 cái/hộp 30 cái/thùng	BBD4064CHHV	06	998.000	
		BBD4204CNV	20			BBD4104CHHV	10		
		BBD4254CNV	25			BBD4164CHHV	16		
		BBD4324CNV	32			BBD4204CHHV	20		
		BBD4404CNV	40			BBD4254CHHV	25		
		BBD4504CNV	50	987.000		BBD4324CHHV	32		
		BBD4634CNV	63			BBD4404CHHV	40		1.508.000
						BBD4504CHHV	50	3.276.000	
						BBD4634CHHV	63		
						BBD40804CHV	80	400VAC 10kA	3.494.000
				BBD41004CHV	100				

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

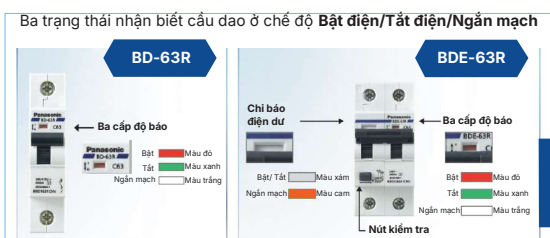
Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Đóng gói
2 cái/hộp

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO



Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO Compact 2P1E	Mã số (Code)	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
	BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
	BBPE21631CNV	16			
	BBPE22031CNV	20			
	BBPE22531CNV	25			770.000
	BBPE23231CNV	32			

12 cái/ hộp
48 cái/ thùng

RCBO 2P1E	Mã số (Code)	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
	BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	628.000
	BBDE21631CNV	16			
	BBDE22031CNV	20			
	BBDE22531CNV	25			673.000
	BBDE23231CNV	32			
	BBDE24031CNV	40			
	BBDE25031CNV	50			954.000
	BBDE26331CNV	63			

6 cái/hộp

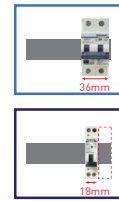
24 cái/thùng

6 cái/ hộp
24 cái/ thùng



Gọn hơn
Tối ưu hơn

* Hai cấp độ bảo:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)



RCBO 4P4E	Mã số (Code)	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
	BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.581.000
	BBDE43234CNV	32			
	BBDE44034CNV	40			
	BBDE45034CNV	50			2.079.000
	BBDE46334CNV	63			

4 cái/thùng

4 cái/ thùng

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
	BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
	BBDR23230HV	32		
	BBDR24030HV	40		
	BBDR26330HV	63		1.310.000

5 cái/ hộp
30 cái/ thùng

RCCB 2P	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
	BBDR22530V	25	30mA-2P	CẬP NHẬT
	BBDR23230V	32		
	BBDR24030V	40		
	BBDR26330V	63		CẬP NHẬT

5 cái/ hộp
30 cái/ thùng

* Dự kiến có hàng T03/2026

* Hình ảnh minh họa

RCCB 4P	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
	BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000
	BBDR43230HV	32		
	BBDR44030HV	40		
	BBDR46330HV	63		2.621.000

4 cái/ hộp
16 cái/ thùng

RCCB 4P	Mã số Code	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
	BBDR42530V	25	30mA-4P	CẬP NHẬT
	BBDR43230V	32		
	BBDR44030V	40		
	BBDR46330V	63		CẬP NHẬT

4 cái/ hộp
16 cái/ thùng

* Dự kiến có hàng T03/2026

* Hình ảnh minh họa

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật - Specifications		Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	
	BS1106TV	6	1	89.000
	BS110TV	10	1,5	
	BS111TV	15	1,5	
	BS112TV	20	1,5	
	BS113TV	30	1,5	
	BS114TV	40	1,5	

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{CU} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	NEW BJS3220NA2K	32	2,5	15	370.000
	NEW BJS3230NA2K		* Dự kiến có hàng T03/2026	30	
	BJS3020NA2	30	1,5	15	383.000
	BJS3030NA2			30	
	BJJ23030-8		2,5	30	827.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BJS1532S1V	15	1,5	30	536.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
Xuất xứ Thái Lan					
	BJJ23022-8	30	1,5	15	972.000
	BJJ23032-8				
Xuất xứ Nhật Bản					

*Giá bán đã bao gồm VAT

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BKW2503Y	50	2,5	30	1.695.000
	BKW2603SKY	60	10		2.496.000
	BKW21003KY	100	25		3.494.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN $U_c = AC\ 240V$

NEW

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1,5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
Đóng gói 50 cái/thùng	3.140.000

* Thay thế SPD khi phản hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ

Mã số (Code)	Loại	I _n (A)	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17,8x82x60	980.000
BMD2025204ACV		25		980.000
BMD2040204ACV		40		1.400.000
BMD2063204ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	63	35,4x82x60	2.530.000
BMD4025404ACV		25		1.030.000
BMD4040404ACV		40		1.860.000
BMD4063404ACV		63	54,0x82x60	2.940.000

* I_n (A) Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Màu	Màu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
						Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
Moderva NEW   	BQDF08W31AV	Trắng		8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	760.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim									1.020.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim									1.020.000
	BQDF12W31AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	960.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim									1.290.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim									1.290.000
	BQDF16W31AV	Trắng	- Để sắt - Mặt che nhựa	16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.120.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim									1.490.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim									1.490.000
Level Art    	BQDF24W11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	1.960.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim									2.630.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim									2.630.000
	BQDX08T11AV	Trắng		8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.290.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim									2.860.000
	BQDX12T11AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.410.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim									3.080.000
	BQDX16T11AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.600.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim									3.410.000
	BQDX24T11AV	Trắng	- Mặt che nhựa - màu trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.420.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim									5.230.000
	BQDX32T11AV	Trắng	- Mặt che nhựa phủ kim loại - màu vàng	32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.120.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim									6.330.000
	BQDX40T21AV	Trắng		40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.720.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim									7.530.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Mode	Dòng định mức I _n (A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I _{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBSF2210CTCV	10	100AF	240 VAC 20kA	2P-2E	950.000
	BBSF2216CTCV	16				
	BBSF2220CTCV	20				
	BBSF2225CTCV	25				
	BBSF2232CTCV	32				
	BBSF2240CTCV	40				
	BBSF2250CTCV	50				1.100.000
	BBSF2263CTCV	63				
	BBSF2280CTCV	80				
	BBSF22100CTCV	100	160AF	35kA	3P-3E	1.620.000
	BBSF3310CFCV	10				
	BBSF3316CFCV	16				
	BBSF3320CFCV	20				
	BBSF3325CFCV	25				
	BBSF3332CFCV	32				
	BBSF3340CFCV	40				1.785.000
	BBSF3350CFCV	50				
	BBSF3363CFCV	63				
	BBSF33100CFCV	100	250AF	50kA	4P-4E	3.500.000
	BBSF34160CFCV	160				
	BBSF34200CFCV	200				
	BBSF34250CFCV	250				
	BBSF35315CMCV	315				7.310.000
	BBSF35350CMCV	350				
	BBSF35400CMCV	400				
	BBSF36500CMCV	500				
	BBSF36630CMCV	630	630AF	50kA	4P-4E	12.770.000
	BBSF37700CMCV	700				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF45315CMCV	315				
	BBSF45350CMCV	350				
	BBSF45400CMCV	400				21.860.000
	BBSF46500CMCV	500				
	BBSF46630CMCV	630				
	BBSF47700CMCV	700				
	BBSF47800CMCV	800	800AF	50kA	4P-4E	24.050.000
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				
	BBSF4800CMCV	800				

* Dự kiến có
hàng
T03/2026

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

		Thông số kỹ thuật (Specifications)				
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _{cu} (kA) 220 VAC	Dòng cắt danh định I _{cu} (kA) 415 VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBW240SKY	40	10	2,5	2P	925.000
	BBW250SKY	50				
	BBW260Y	60	5	2,5		990.000
	BBW310Y	10	2,5	1,5	3P	725.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
	BBW330Y	30				

*Giá bán đã bao gồm VAT

Phụ kiện cho dòng SF Series

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000
	BBS800Q20LV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q20RV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên phải, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q08LV	Tiếp điểm phụ báo tín hiệu, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q10A7V	Cuộn cắt AC110V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D7V	Cuộn cắt DC110V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D8V	Cuộn cắt DC220V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q30A2V	Cuộn cắt thấp áp AC240V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	1.490.000
	BBS630QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 315A đến 630A	3.010.000
	BBS800QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 700A và 800A	3.370.000
	BBS630QA1V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 3P3E từ 315A đến 630A	740.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000

* Dự kiến có
hàng
T03/2026

Model	SF-160	SF-250
Breaking type	F type	F type
SHT		
Trạng thái cầu dao	UVT	SHT/AX/AL
SF-160	Trạng thái đang ngắt mạch	Bật
SF-250	Trạng thái đang ngắt mạch	

YH/ MH Series		Thông số kĩ thuật - Specifications			
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Malaysia	BBC3601YHV	63	10kA	3P	1.785.000
 Xuất xứ Nhật Bản ***MCCB gắn kèm cuộn cắt	BBC31502YHVS	150	25kA	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200			3.970.000
	BBC3250YHVS	250			4.040.000
 Xuất xứ Nhật Bản	BBC3600YHV	600	36kA	3P	24.100.000
	BBC3630YHV	630			49.300.000
	BBC3800YHV	800			49.300.000
 Xuất xứ P.R.C	BBC35300CMHV	300	50kA	3P	7.310.000
	BBC35350CMHV	350			12.770.000
	BBC35400CMHV	400			12.770.000
	BBC36500GMHV	500			14.950.000
	BBC36630GMHV	630			14.950.000
	BBC37700GMHV	700			14.950.000
	BBC37800GMHV	800			14.950.000

Xuất xứ Nhật Bản
***MCCB gắn
kèm cuộn cắt

Xuất xứ Nhật Bản

Xuất xứ P.R.C

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



Tự động quản lý

Thời gian và điện năng hiệu quả hơn

	TB178 	TB118 	TB35809NE5 	TB38809NE7 	TB4728KE7V 
Giá lẻ (cái)	650.000	1.050.000	785.000	1.210.000	1.840.000
Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
Chương trình Operation	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
Công suất Consumption	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC, 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
Pin dự trữ Battery	-	300 giờ TB380N2457 Giá lẻ: 209.000	-	300 giờ TB380N2457V Giá lẻ: 209.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K	125V - 15A - 2P+ Ground	277.000
WK2320K	250V - 20A - 3P	292.000
WK2330	250V - 30A - 2P + Ground	810.000

Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P



WF4330
Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35,5/45,5mm
1 gang - 1 device aluminum plate 35,5 dia/45,5 dia



WN3040K-8 Trạm nối đất - Grounding - terminal	105.000
---	----------------



WF2315WK (Trắng)	125V - 15A - 2P+ Ground	267.000
WF2320WK (Trắng)	250V - 20A - 3P	251.000
WF2330B (Đen)	250V - 30A - 2P + Ground	671.000

Lắp với WN9513



CÔNG TẮC THẺ



WZH5611-801

- Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 circuits)
- Sử dụng với mặt WZH7843W
- 250V - 10A

1.810.000



WN1518R Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding flat pin receptacle 125V - 15A	370.000
--	---------



WN37008	
Đai kim loại - Metal-Frame	36.000

CHƯƠNG ĐIỂN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888



EBG888
 Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
 Door chime
 Đóng gói 10 cái/thùng

212.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

DIMMER



NDF603F/ NDL603F-Full
NDF603W/ NDL603W-Wide
 - Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
 - Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500



NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
 - Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W
 - Dimmer for incandescent lamp
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000

CẦU CHÌ



NF101F-Full/ NF101W - Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800



NF102F -Full
NF102W -Wide
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

18.500

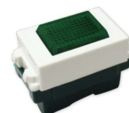
* Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007

ĐÈN BẢO



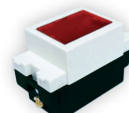
N302WF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
 - Đèn báo màu trắng
 - Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
 - Đèn báo màu xanh
 - Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF-Nanoco-Full
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
 - Đèn báo LED màu đỏ
 - Pilot lamp, red 220VAC

18.000

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN



NP10250D
 - Phích cắm đơn 10A - 250V
 - Chân cắm bằng đồng Ø 4.0mm
 - Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
 - Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh trượt dây điện
 - Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp;
 200 cái/ thùng

7.500



NS10250A
 - Ổ cắm đơn 10A - 250V
 - Tiếp điểm bằng đồng
 - Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
 - Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh trượt dây điện
 - Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp;
 200 cái/ thùng

13.000

An toàn và tiện lợi Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002

Ổ CẮM CÓ DÂY



NES5215-3 - Dây 3m 185.000
NES5215-5 - Dây 5m 222.000
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3 - Dây 3m 235.000
NES3332-5 - Dây 5m 280.000
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES43415-3 - Dây 3m 252.000
NES43415-5 - Dây 5m 300.000
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W
 - Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES4213-3S1 - Dây 3m 115.000
NES4213-5S1 - Dây 5m 140.000
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W
 - Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES332U-3 - Dây 3m 285.000
NES332U-5 - Dây 5m 340.000
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
 - Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3320-5 - Dây 5m 248.000
 - Công suất 20A - 250V ~ 5000W
 - Nhựa chịu nhiệt cao
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
 - Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3S1 - Dây 3m 145.000
NES3332-5S1 - Dây 5m 175.000
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



ĐUI ĐÈN E27



NAE2790WM1- Màu trắng, kèm vít 11.000
NAE2790W - Màu trắng 10.000
NAE2790BK - Màu đen 10.000
 - Đui đèn E27 loại 90°
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2727W - Màu trắng 10.000
NAE2727BK - Màu đen 10.000
 - Đui đèn E27 loại di động
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2720W - Màu trắng 12.500
NAE2720BK - Màu đen 12.500
 - Đui đèn E27 loại di động có dây dài 20cm
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2745WM1 - Màu trắng, kèm vít 11.000
NAE2745W - Màu trắng 10.000
NAE2745BK - Màu đen 10.000
 - Đui đèn E27 loại nghiêng 45°
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE4590WM1 - Màu trắng, kèm vít 13.500
NAE4590W - Màu trắng 11.500
 - Đui đèn E27 xoay đa năng
 - Nhựa chống va đập
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

* Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

BÚT THỬ ĐIỆN

An toàn, tiện lợi

NEP1501

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng



19.500

NEP1502

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng



19.500

NEP1201 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, Đèn LED chiếu sáng, Pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp



51.000

NEP1202 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 20 cái/hộp



24.000

NEP7250 - Bút thử điện đa năng

- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 - 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V - 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp



33.000

CÔNG TẮC THẺ

NCS7001

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng



840.000

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY

NJX378

- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4,5V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND156/ND157
- Đóng gói 1 bộ/vi treo; 10 bộ/ thùng



330.000

NJX379-156

- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vi treo, 10 bộ/thùng



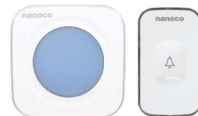
550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY

ND156 - Đóng gói hộp ND1561 - Đóng gói vi treo



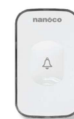
ND157 - Đóng gói hộp ND1571 - Đóng gói vi treo



- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa - nhỏ - im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng NDT15
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói 1 bộ/vi treo; 10 bộ/thùng

340.000

NDT15



- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND156/157
- Đóng gói 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

140.000

ND153W



ND153BK



- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông ND153W/BK
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói 1 bộ/vi treo; 10 bộ/ thùng

370.000

NDT153W NDT153BK



- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND153W/BK
- Đóng gói 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

170.000

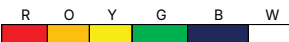
*Giá bán đã bao gồm VAT

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010
IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010



Ống luồn dây điện dạng tròn



Mã sản phẩm	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây)	
					Trắng	Màu
FPC16L	Ø16	1,25 ± 0,1	320	50	22.000	
FPC20L	Ø20	1,3 ± 0,1	320	50	29.000	
FPC25L	Ø25	1,4 ± 0,1	320	25	42.000	
FPC32L	Ø32	1,75 ± 0,1	320	20	67.000	
FPC16H	Ø16	1,55 ± 0,1	1.250	50	31.000	
FPC20H	Ø20	1,7 ± 0,1	1.250	50	41.000	
FPC25H	Ø25	2,0 ± 0,1	1.250	25	59.000	
FPC32H	Ø32	2,1 ± 0,1	1.250	20	111.000	
FPC40H	Ø40	2,3 ± 0,1	1.250	10	146.000	
FPC50H	Ø50	2,65 ± 0,1	1.250	10	193.000	
FPC16	Ø16	1,35 ± 0,1	750	50	25.000	28.000
FPC20	Ø20	1,4 ± 0,1	750	50	33.000	36.000
FPC25	Ø25	1,45 ± 0,1	750	25	48.000	53.000
FPC32	Ø32	1,85 ± 0,1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

Nẹp luồn dây điện dạng vuông

NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn
IEC61084-2-1:2017



Mã sản phẩm	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0,7 ± 0,1	1,7	50	9.000
NNV1720	20x10	0,7 ± 0,1	1,7	50	11.400
NNV1725	25x14	0,9 ± 0,1	1,7	50	17.400
NNV1730	30x16	1,0 ± 0,1	1,7	50	21.000
NNV1740	40x18	1,2 ± 0,1	1,7	25	32.600
NNV1750	50x35	1,4 ± 0,1	1,7	10	70.000
NNV1760	60x40	1,5 ± 0,1	1,7	6	88.000
NNV1780	80x60	1,7 ± 0,1	1,7	6	143.000
NNV17100	100x60	1,8 ± 0,1	1,7	6	209.000
NNV2015	15x9	0,7 ± 0,1	2,0	50	10.500
NNV2020	20x10	0,7 ± 0,1	2,0	50	13.500
NNV2025	25x14	0,9 ± 0,1	2,0	50	20.800
NNV2030	30x16	1,0 ± 0,1	2,0	50	24.800
NNV2040	40x18	1,2 ± 0,1	2,0	25	38.000
NNV2050	50x35	1,4 ± 0,1	2,0	10	83.000
NNV2060	60x40	1,5 ± 0,1	2,0	6	104.000
NNV2080	80x60	1,7 ± 0,1	2,0	6	165.000
NNV20100	100x60	1,8 ± 0,1	2,0	6	248.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

PVC	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
PVC	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000

Ống xoắn HDPE Trắng/ Xám	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16PE	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE	32mm (25m/cuộn)	269.000

Khớp nối trơn	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng	840
	NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.200
	NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.900
Nano FPA0140	NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
	Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 30 cái/bao	9.500
	Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	13.000

Đầu và khớp nối ren	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1.200 cái/thùng	3.300
	NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.500
	NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
	NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Kẹp đỡ ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao 3.000 cái/thùng	950
	NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao 3.000 cái/thùng	1.200
	NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao 2.000 cái/thùng	2.000
	NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	3.000
	Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	5.000

Nắp đậy hộp nối tròn

	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1.500 cái/thùng	2.100
	NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500

T nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	2.000
	NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
	NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
	NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
	Nano [®] FPA0440	T nối cho ống Ø40. Đóng gói 10 cái/bao	14.500
	Nano [®] FPA0450	T nối cho ống Ø50. Đóng gói 10 cái/bao	17.000

T nối có nắp Nano [®]	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA0420C	T nối có nắp Ø20. Đóng gói 25 cái/bao	9.500
	FPA0425C	T nối có nắp Ø25. Đóng gói 10 cái/bao	15.000
	FPA0432C	T nối có nắp Ø32. Đóng gói 10 cái/bao	18.000

Hộp nối 1 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
	NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
	NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
	NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã thẳng	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
	NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
	NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
	NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã vuông	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
	NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
	NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
	NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Hộp nối 3 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
	NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
	NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
	NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
	NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
	NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
	NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500

Co nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0316	Co cho ống Ø16. Đóng gói 100 cái/bao - 1.500 cái/thùng	1.500
	NPA0320	Co cho ống Ø20. Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
	NPA0325	Co cho ống Ø25. Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
	NPA0332	Co cho ống Ø32. Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
	Nano [®] FPA0340	Co cho ống Ø40. Đóng gói 20 cái/bao	13.000
	Nano [®] FPA0350	Co cho ống Ø50. Đóng gói 15 cái/bao	17.800

Co nối có nắp Nano [®]	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA0320C	Co nối có nắp Ø20. Đóng gói 50 cái/bao	6.000
	FPA0325C	Co nối có nắp Ø25. Đóng gói 40 cái/bao	10.500
	FPA0332C	Co nối có nắp Ø32. Đóng gói 20 cái/bao	16.000

Đầu nối ống mềm PVC Nano [®]	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16. Đóng gói 100 cái/bao	13.000
	FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20. Đóng gói 100 cái/bao	17.000
	FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25. Đóng gói 50 cái/bao	25.000
	FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32. Đóng gói 50 cái/bao	39.000

Đầu giảm Nano [®]	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA2016	Đầu giảm 20 - 16. Đóng gói 100 cái/bao	1.700
	FPA2520	Đầu giảm 25 - 20. Đóng gói 100 cái/bao	2.600
	FPA3225	Đầu giảm 32 - 25. Đóng gói 50 cái/bao	4.100
	FPA4032	Đầu giảm 40 - 32. Đóng gói 40 cái/bao	8.100
	FPA5040	Đầu giảm 50 - 40. Đóng gói 30 cái/bao	10.200

Lò xo uốn ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FLXUO16M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
	FLXUO16L	Lò xo uốn ống Ø16	
	FLXUO20M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
	FLXUO25M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
	FLXUO25L	Lò xo uốn ống Ø25	
	FLXUO32M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
	FLXUO32L	Lò xo uốn ống Ø32	

*Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N



*Giá bán đã bao gồm VAT

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80
Đai sắt dùng cho HB
(Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
Frame for HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81
Đai nhựa dùng cho HB
(Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
Frame for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng

4.000



NHB9801
Hộp nối dùng cho HB
Mounting surface plate for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.000



NBD9802
Hộp nối dùng cho CB 2 tép
Mounting surface plate for MCB 2P
Kích thước: 121x54x69,47mm
Đóng gói: 30 cái/thùng

18.000

HỘP NỔ DÂY



NPA10050V
Hộp nối dây 100x100x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng

22.000



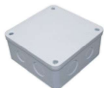
NPA12050V
Hộp nối dây 120x120x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng

27.000



NPA15055V
Hộp nối dây 150x150x55mm
Wiring box
Đóng gói: 20 cái/thùng

39.000



NPA20065V
Hộp nối dây 200x200x65mm
Wiring box
Đóng gói: 10 cái/thùng

68.000



NPA103V
Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
Round junction box
Đóng gói: 60 cái/thùng

12.000

MẶT THIẾT BỊ



NB9601
Nắp kín đơn
Wiring box lid - 1 gang
Đóng gói: 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602
Nắp kín đôi
Wiring box lid - 2 gang
Đóng gói: 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N
Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box lid - BS Standard
Đóng gói: 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔ



NBD200
Hộp âm cho CB tép
Wiring box for MCB
Kích thước: 115x66x58mm
Đóng gói: 20 cái/thùng

9.000



NA101TM1
Hộp âm nhựa trắng, đơn, bắt vít
Wiring box - 1 gang
Kích thước: 106x64x43mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.600



NA101
Hộp âm nhựa trắng, đơn, kèm vít
Wiring box - 1 gang
Kích thước: 106x64x43mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.200



NA102
Hộp âm đôi
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 109x103x44mm
Đóng gói: 60 cái/thùng

10.500



NA105
Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 80x80x42,5mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.200



*** Dự kiến có hàng T02/2026

NA1051
Hộp âm đơn vuông ghép nối chống cháy chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 85x85x50mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.500



NA106
Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
(Dùng cho WEB1051W)
Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
Kích thước: 135x75,6x58mm
Đóng gói: 40 cái/thùng

18.000



NPCA104
Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 131x106x42,5mm
Đóng gói: 50 cái/thùng

10.500



NN101F/ NN101W-Wide
Hộp nối đơn
Surface box
Kích thước: 120x70x35mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

10.500



NN102F-Full/ NN102W-Wide
Hộp nối đôi
Duplex surface box
Kích thước: 120x115x35mm
Đóng gói: 60 cái/thùng

16.000



NN105
Hộp nối đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Surface box - BS Standard
Kích thước: 86x86x35,2mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

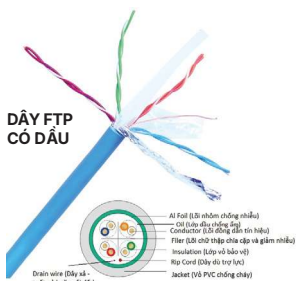
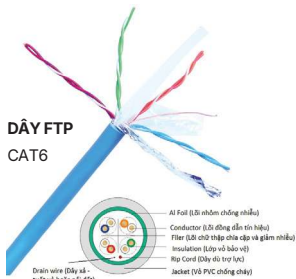
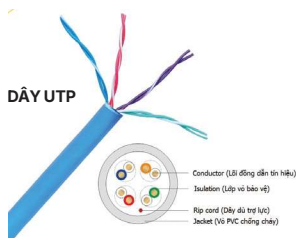
9.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối, hộp nối dây đều có kèm vít

HỘP ÂM ĐÔI DÙNG 2 MẶT ĐƠN

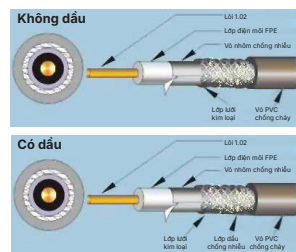
SỬ DỤNG CHO CÁC LOẠI MẶT DÒNG WIDE SERIES, HALUMIE - FULL COLOR

DÂY CÁP MẠNG



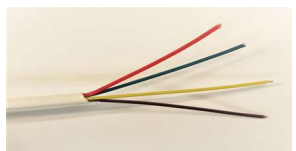
Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0,50 CCA	PE 0,91	Có	PVC 5,1	840.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0,51 CCA	PE 1,00	Có	PVC 5,1	1.050.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305 m/cuộn - Màu xanh/trắng	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	3.690.000
NC5E-F1000	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dây, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	3.990.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,02	Có	PVC 6	1.145.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	1.460.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	4.750.000
NC6-F1000	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dây - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	5.250.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	750.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	860.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dây Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	1.050.000
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 100% Đồng	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	~100m	1.420.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0,5 CCA	HDPE	PVC	525.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kg/25mm

- Điện áp đánh thủng >5kV



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	82.000/cây
FKPT20	20YDS	143.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	60.000/cây
FKPC20	20YDS	110.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Xuất xứ Đài Loan

BK W Y R G B

Xuất xứ PRC

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Connection
to the future



Dây điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dây điện áp trên	Xám

Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



F0511-SR
- Rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54

96.000



F0512-SR
- Solid rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54, chịu va đập

133.000



F2510-SR
- Rubber connector (Splashproof)
ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP20

97.000



F1050-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F105-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54

81.000



F106-0
- Mounting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

104.000

Ổ cắm chia 3 ngã Multiple-socket outlet



F9432007
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

2.470.000



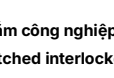
F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.588.000



F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.379.000



F9430401
Ổ cắm chia 3 ngã
16A - 3P - 230V - IP44

1.180.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



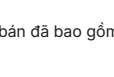
F61132-6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.886.000



F61252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

2.117.000



F75252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.616.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



F013-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

81.000



F014-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

118.000

F015-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

132.000

F023-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

148.000

F024-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

155.000

F025-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



F213-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

115.000



F214-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

148.000

F215-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

183.000

F223-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

180.000

F224-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

206.000

F225-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

263.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



F113-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

159.000

F114-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

195.000

F115-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

F123-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

221.000

F124-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

233.000

F125-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

249.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



F313-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

166.000

F314-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

184.000

F315-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

F323-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

206.000

F324-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

213.000

F325-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

244.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

185.000

F414-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

218.000



F415-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

243.000

F423-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

289.000

F424-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

318.000

F425-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

349.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)

Plug (Watertight IP67)

	F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	313.000
	F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	331.000
	F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	353.000
	F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	406.000
	F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	432.000
	F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	874.000
	F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	897.000
	F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	926.000
	F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.676.000
	F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.974.000
	F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.249.000
	F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	331.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)

Connector (Watertight IP67)

	F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	331.000
	F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	366.000
	F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	460.000
	F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	471.000
	F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	485.000
	F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	525.000
	F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.048.000
	F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.070.000
	F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.097.000
	F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.305.000
	F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.426.000
	F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.602.000
	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	417.000

Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)

Wall socket (Watertight IP67)

	F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	480.000
	F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	554.000
	F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	607.000
	F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	649.000
	F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	696.000
	F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	737.000
	F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.158.000
	F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.279.000
	F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.389.000
	F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.834.000
	F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	3.010.000
	F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.187.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)

Flanged socket straight (Watertight IP67)

	F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	441.000
	F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	471.000
	F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	507.000
	F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000
	F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
	F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.852.000
	F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.985.000
	F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.095.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

Flanged socket sloping (Watertight IP67)

	F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	277.000
	F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	313.000
	F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	324.000
	F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000
	F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.798.000
	F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.974.000
	F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.195.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước

Container - Plug and Socket

(Watertight IP67)

	F0242-3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	336.000
	F1242-3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	983.000
	F2242-3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	482.000
	F3242-3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	568.000

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	935.000
	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	630.000

Có thể sử dụng **HỘ NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**




NPA20065V

(*) Tham khảo thêm các loại **HỘ NỐI DÂY** trang 26

nanoco

	Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)		
	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	330.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	340.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	400.000
	NIS263	3P - 63A - 250V - IP66	410.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	410.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	430.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	490.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	510.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	470.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	500.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	540.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	580.000

Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)

	NIS105-0B	
	16A - 2P - 230V - IP54	60.000

Ổ cắm chia 3 ngã

	NIS9432000	
	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)

	NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
	NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
	NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
	NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
	NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (IP44)

	NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
	NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
	NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
	NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
	NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)

	NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
	NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
	NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
	NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000
	NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
	NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
	NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
	NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
	NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
	NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)

	NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
	NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
	NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
	NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
	NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
	NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000
	NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
	NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
	NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000
	NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
	NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
	NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)

	NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
	NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
	NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
	NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
	NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
	NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
	NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000
	NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
	NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
	NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) - Plug (IP44)

	NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
	NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
	NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
	NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
	NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
	NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)

	NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
	NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
	NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
	NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
	NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
	NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (IP44)

	NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
	NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
	NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
	NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
	NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
	NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

	NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
	NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
	NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
	NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
	NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
	NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000

	NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
	NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
	NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67) Container - Plug and Socket (Watertight IP67)

	Phích cắm - Plug	
NIP0242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000
	Ổ cắm nối - Wall socket	
NIS1242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000
	Ổ cắm nối - Connector	
NIS2242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	260.000
	Ổ cắm gắn âm dạng thẳng Flanged socket straight	
NIS3242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67) Flanged socket straight (Watertight IP67)

	NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
	NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
	NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
	NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
	NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
	NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
	NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
	NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
	NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000
	NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
	NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
	NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

LỰA CHỌN QUẠT HÚT

4 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN KHÔNG ĐIỀU HÒA

1 Tính thể tích phòng cần lắp quạt hút

Thể tích phòng (m³) = Chiều dài (m) x Chiều rộng (m) x Chiều cao (m)

2 Bội số (Số lần) Trao đổi không khí

Loại	Bội số (Số lần) Trao đổi không khí (Lần/h)
Phòng khách	2-3
Phòng ngủ	2-3
Phòng bếp	2-3
Phòng tắm	10
Phòng vệ sinh	10

Các thông số trong bảng trên áp dụng cho các phòng trong nhà ở dân dụng.

3 Tính toán lưu lượng không khí cần thiết

Lưu lượng không khí cần thiết (m³/h)

II

Bội số (số lần) trao đổi không khí (lần/h)

X

Thể tích phòng (m³)

4 Lựa chọn loại quạt hút có lưu lượng không khí phù hợp

Lưu lượng không khí quạt hút > lưu lượng không khí cần thiết của mỗi loại phòng

2 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN CÓ ĐIỀU HÒA

1 Lượng không khí từ bên ngoài cấp vào phòng trong nhà ở (phòng khách/ phòng ngủ) là 35m³/h cho 1 người

= 35m³/h

2 Nhân 35 với số người ở trong phòng

⇒ lượng không khí cần thiết (m³/h)

⇒ chọn quạt hút có lưu lượng không khí ≥ lưu lượng gió

Lưu lượng không khí cần thiết = 35 x Số người trong phòng

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-25TGU5	26,5	612	39	31,5	1.050.000
FV-15TGU6	10	275	35	21,7	840.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	950.000

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL1	12,5	255	36	20	1.040.000
FV-20AL1	18	550	38	25	1.060.000
FV-25AL1	25	840	40,5	30	1.170.000
FV-30AL1	28	1000	39	35	2.330.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL1	17/12,5	550/430	38/45	25	1.685.000
FV-25RL1	25/16,5	840/600	40,5/43	30	2.060.000
FV-30RL1	27,5/18	1000/750	39/42	35	2.414.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU1	18	590	36	25	850.000
FV-25AU1	25	950	38	30	960.000
FV-30AU1	28	1200	37	35	1.550.000

QUẠT HÚT SƯƠI

Chức năng thông gió, sưởi ấm

FV-30BZ1					4.700.000
- Kích thước lắp đặt 280x260mm					
- Kích thước ống dẫn Ø100mm					
	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)		
Sưởi ấm	1380	130	45		
Thông gió	23		41		

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

FV-30BY1					6.690.000
- Kích thước lắp đặt 260 x 280mm					
- Kích thước ống dẫn Ø110mm					
	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)		
Sưởi ấm	1400	140	45		
Thông gió	20		41		

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

có lá lật

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGS2	4,3	76	35	Φ13~14	Φ12~12,5	19	810.000
FV-15EGS2	5,7	155	36	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17	23	980.000

không có lá lật

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGD2	4,1	82	34	Φ13~14	Φ12~13	9	680.000
FV-15EGD2	5,7	170	37	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17,5	9	750.000

Thiết bị phát ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™ X

nanoe™ X Công nghệ lọc nanoe™ X

Khử mùi

Kháng khuẩn/ ngừa virus

Mùi cơ thể

Mùi thuốc lá

Phấn hoa

Mùi rác

Mùi thức ăn

Vibrio

Nấm mốc

Virus

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ (cm)	
FV-15CSD1	4	15	23,5	15	7.250.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1100	34	27,5	4.710.000
FV-30GS4	59	1800	38	32,5	6.520.000
FV-35GS4	88	2.670	44	39,5	7.980.000
FV-40GS4	161	3.780	47	44,5	10.190.000

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

FV-30BG3					10.920.000
- Kích thước lắp đặt 300x 300mm					
- Kích thước ống dẫn Ø100mm					
	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)		
Sưởi ấm	1500	170	46		
Thông gió	28		39		

CHỨC NĂNG QUẠT HÚT SƯƠI

Sưởi ấm

Sấy khô

Gió mát

Thông gió



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

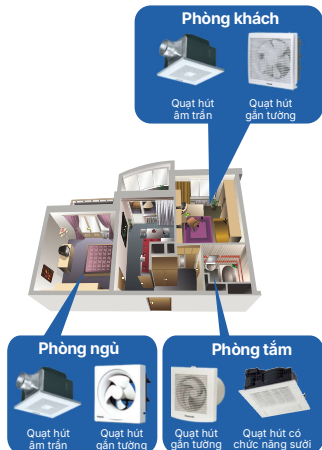
*Giá bán đã bao gồm VAT

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000h
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng



QUẠT CẤP GIÓ

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi"

Động cơ DC

Lọc bụi mịn PM 2.5



- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

13.125.000

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20

Lọc bụi mịn PM 2.5



	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ tường (cm)
Cao	7,5	63	36	Ø164 - Ø168
Thấp	3,2	32	25	

3.890.000

NEW QUẠT CHẤN GIÓ



Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3509U1	50	Cao	95	1.150	51
		Thấp	85	1.000	49
FY-4009U1	50	Cao	110	1.340	54,5
		Thấp	94	1.190	51

16.800.000

17.150.000

Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3512U1	50	Cao	114	1.550	49
		Thấp	100	1.300	46
FY-4012U1	50	Cao	126	1.700	52,5
		Thấp	105	1.530	48,5

18.334.000

18.500.000

Quạt êm, hiệu năng cao - QUẠT HÚT ÂM TRẦN

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV-17CU9	7,5	85	23	17,7	2.440.000
NEW FV-17CH9	9,5	100	27,5	17,7	2.600.000
FV-24CU9	10,5	140	25	24	3.010.000
FV-24CD9	13,5	170	28,5	24	3.100.000
FV-24CH9	16,5	200	32	24	3.280.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV-27CH9	23 (Low) 28 (Hi)	260 (Low) 330 (Hi)	30 34	27	4.850.000
FV-32CD9	32 (Low) 42 (Hi)	300 (Low) 430 (Hi)	28 36	32	6.490.000
FV-32CH9	45 (Low) 55 (Hi)	400 (Low) 530 (Hi)	34 41	32	7.050.000
FV-38CD8	66 (Low) 90 (Hi)	430 (Low) 640 (Hi)	35 44	38,5	8.790.000
FV-38CH8	89 (Low) 122 (Hi)	525 (Low) 800 (Hi)	40 50	38,5	9.590.000

Dòng quạt hút có sensor



Sensor

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

*Sensor chuyển động	FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
	FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
*Sensor chuyển động & độ ẩm	FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
	FV-24CHRV2	17	200	32	24	5.920.000

Tạo luồng gió lớn

(Đổi điện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn



Áp suất tĩnh cao

(Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn



Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

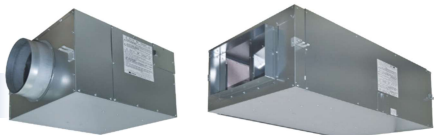
Độ ồn thấp - QUẠT HÚT CABINET

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

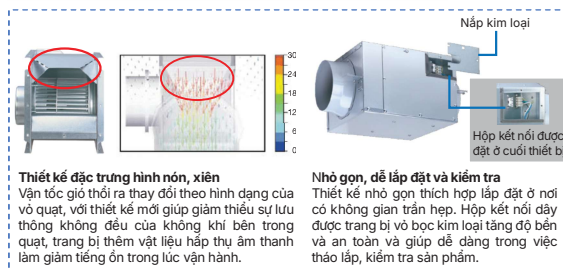
Mã sản phẩm	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	3.255.000
	Low	17	145	17		
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	4.312.000
	Low	29,5	275	22		
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	5.148.000
	Low	55	405	27		
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	6.292.000
	Low	80	620	29		
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	7.777.000
	Low	113	720	29		
FV-23NL3	Hi	230	1.200	40	Ø200	9.449.000
	Low	170	900	34		
FV-25NS3	Hi	345	1.700	41	Ø250	12.496.000
	Low	265	1.380	38		
FV-25NF3	Hi	390	1.900	43	Ø250	14.280.000
	Low	325	1.600	40		



3 pha



Mã sản phẩm	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-28NX3	600	2.600	44	Ø250	20.900.000
FV-25SW3	940	4.000	43	250 x 500	35.706.000
FV-25SM3	1.180	5.200	45	250 x 700	43.050.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS



ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.
* Thiết bị di động cần có: iOS 12.2 và Android 7 trở lên.

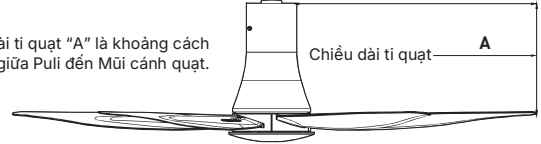
CHÚ Ý:

* Một tài khoản có thể kết nối tối đa 8 quạt trần
* Một quạt trần kết nối được 4 tài khoản

Cách xác định chiều dài ti quạt

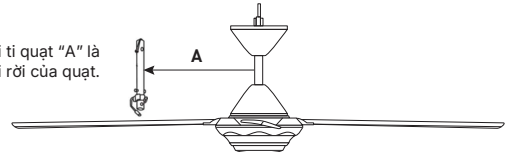
Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37.3 cm

F-60DGN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đối chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37.3 cm

F-60DHN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đối chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.430.000

10.380.000



F-60FEN



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28.8 cm

- Tích hợp công nghệ nanoE™ X giúp ức chế đến 99.9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 27.8 cm

F-48DGL

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đối chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.500.000

11.280.000

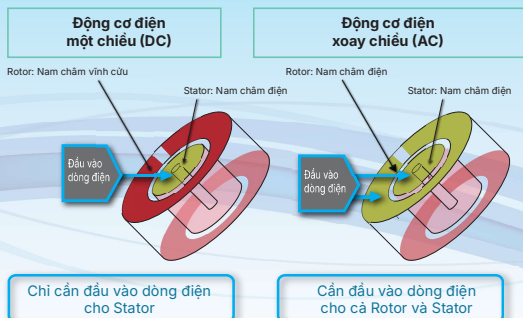
Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.





Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).



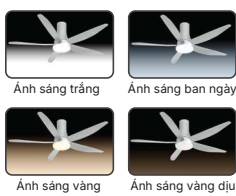
Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch



F-60GFN

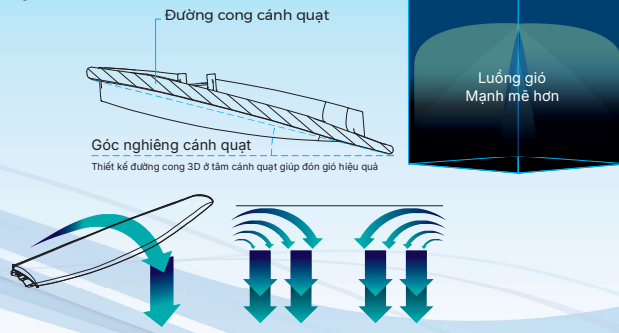
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 58W (motor: 40W, đèn: 18W)
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 1 chế độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- 1 chế độ ánh sáng tối đa (Full light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.750.000



Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



F-60HAN (Xám)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi – điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285m³/phút
- Có chế độ hẹn giờ mở/tắt trong vòng 24h
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000



F-60XDN (Đen)
F-60XDN-W (Trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

8.220.000



F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000



F-60GDS-W (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-WS (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-B (Nâu, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BS (Nâu, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-BE (Beige, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BES (Beige, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000



F-60GDS-S (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDSN-S (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDSN-LG (Xám trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDSN-LGS (Xám trắng, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.



QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



F-70ZBP (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

17.650.000



F-80ZBR (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

19.330.000



F-56XPG (Đen)
F-56XPG-W (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.720.000



F-56MZG-GO (Vàng ánh kim, chiều dài từ 40.6cm)
F-56MZG-GOS (Vàng ánh kim, chiều dài từ 22.9cm)
F-56MZG-S (Bạc, chiều dài từ 40.6cm)
F-56MZG-SS (Bạc, chiều dài từ 22.9cm)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.350.000



F-48CZL

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

4.640.000



F-56MPG-GO (Vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Bạc)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.350.000



F-56NCL (Đồng cổ điển, chiều dài từ 18inch - 45.7cm)

F-56NCL-S (Đồng cổ điển, chiều dài từ 12inch - 30.4cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút

2.210.000



F-60FV2-MS (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22.8cm)
F-60FV2-S (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30.4cm)
F-60FV2 (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45.7cm)
F-60FV2-L (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55.8cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m³/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp để âm đơn mặt vuông:
W: 80mm x L: 80mm x H: trên 50mm (Kích thước để nghị)

1.920.000



F-60M22-MS (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22.8cm)
F-60M22-S (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30.4cm)
F-60M22 (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45.7cm)
F-60M22-L (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55.8cm)

F-60M22-KMS (Đen, chiều dài từ 9inch - 22.8cm)
F-60M22-KS (Đen, chiều dài từ 12inch - 30.4cm)
F-60M22-K (Đen, chiều dài từ 18inch - 45.7cm)
F-60M22-KL (Đen, chiều dài từ 22inch - 55.8cm)

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m³/phút

1.570.000

⚠️ **Khuyến cáo:** - Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.
- KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

Wall fan - QUẠT TREO TƯỜNG



- F-409MB** (Xanh)
F-409MG (Trắng ngà)
- Công suất 51W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
 - Có remote

2.930.000



- F-409UB** (Xanh)
F-409UGO (Vàng kim)
- Công suất 47,5W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 76 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.370.000



- F-50YUZ** (Đen)
- Công suất 53 ~ 63W
 - Đường kính quạt 50 cm
 - Lưu lượng gió 100 m³/phút
 - 850 ~ 1230 vòng quay/phút
 - Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.570.000

Orbit fan - QUẠT ĐÀO



- F-409QB** (Xanh)
F-409QGO (Vàng)
- Công suất 45W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 79 m³/phút
 - Quạt đảo 360°
 - Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.340.000

Table fan - QUẠT BÀN



- F-400CB** (Xanh)
F-400CI (Trắng ngà)
- Công suất 48W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 75 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Di chuyển dễ dàng

1.580.000

Standing fan - QUẠT ĐỨNG



- F-409KB** (Xanh)
F-409KBE (Beige)
F-409KMR (Đỏ)
- Công suất 51W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Chiều cao quạt 128 - 143 cm
 - Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
 - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
 - Có remote

4.130.000



- F-30JLVW** (Trắng)
F-30JLVG (Xám)
- 7 cánh quạt
 - Động cơ: DC
 - Công suất: 20W
 - Đường kính quạt: 30cm
 - Chiều cao quạt: 58cm - 101,5cm
 - Lưu lượng gió: 35,3 m³/ phút
 - 6 cấp độ gió
 - 3 chế độ: Thường - Tự nhiên - Ngủ
 - Hẹn giờ tắt 1 - 8 giờ
 - Có remote

2.930.000

*** Dự kiến có hàng: T02.2026



- F-308NHB** (Xanh)
F-308NHP (Hồng)
- Công suất 37W
 - Đường kính quạt 30 cm
 - Chiều cao quạt 91 - 105 cm
 - Lưu lượng gió: 40 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
 - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
 - Có remote

4.060.000



- F-307KHB** (Xanh)
F-307KHS (Bạc)
- Công suất 37W
 - Đường kính quạt 30 cm
 - Chiều cao quạt 66 - 85 cm
 - Lưu lượng gió: 50,7 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
 - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
 - Có remote

2.840.000



- F-407WGO** (Vàng kim)
- Công suất 53.5W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Chiều cao quạt 134 - 157 cm
 - Lưu lượng gió: 76 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Có trang bị đèn ngủ

3.400.000

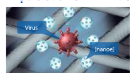


CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)



Bao vây virus và vi khuẩn

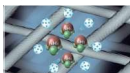


Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn

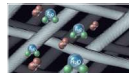


KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi



Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA

ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



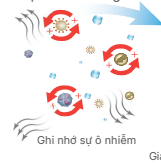
Tìm kiếm và tầm soát



Loại bỏ mùi khó chịu

Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Ghi nhớ sự ô nhiễm



Giảm thiểu ô nhiễm không khí trước khi phát tán

Tiết kiệm điện 50% (*1)
So sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

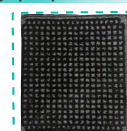
Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergy-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Tinh chất Catechin trong trà xanh

Vô hiệu hóa Virus



Enzyme kháng khuẩn

Vô hiệu hóa Vi khuẩn

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI - Air Purifier & Deodorization



* Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

F-GPT01A-K (Đen)

F-GPT01A-R (Đỏ)

- Lưu lượng gió: 0.07 m³/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3,5W
- Công nghệ lọc: nanoeTMX
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1,5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0,4 kg

4.270.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoeTMX:
- Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
- Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).



F-VXV70A
15.700.000



F-PXU70A
13.970.000



F-PXV55A
13.300.000



F-PXV50A
10.500.000



F-PXV35A
7.360.000



F-PXJ30A
4.600.000



F-P15EHA
3.720.000

	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6,7	7	5,3	5	3,5	2,8	1,6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m ²)]	52	52	41	36	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM	-
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	-	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	-	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	-
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	-
- Đèn báo PM2.5	-	•	•	•	-	-	-
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	-
- Chế độ Turbo	-	-	-	-	•	•	-
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	-	•	-	•	•	•
- Chế độ báo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	-	-	-	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	-	•	-	-	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	-	-	-	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	890.000	1.210.000
- [Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
- [Tạo ẩm]	970.000						



Air Purifier - MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

Thiết bị xử lý không khí Ziaino™

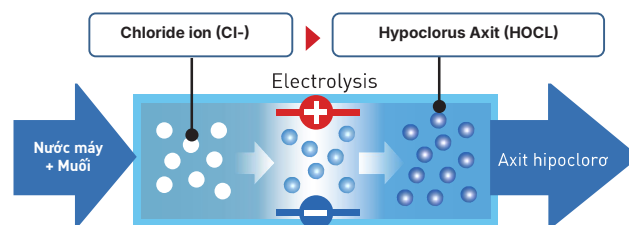
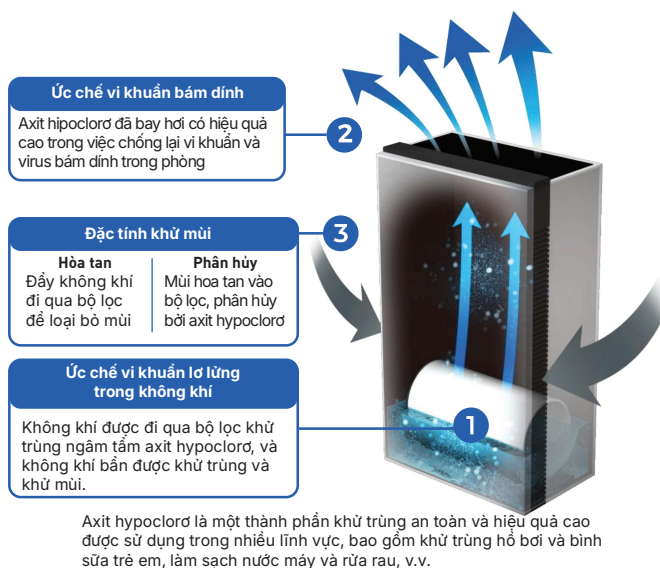
F-JPU70A

75.000.000



Thông số kỹ thuật			
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m²)	92(**)		
- Chế độ không khí	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m³/phút)	7.0	4.0	2.0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9.6	14.0	22.6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm) / Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cùm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Dài) (mm)	730 x 510 x 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		

(*) Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%
(**) Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.



Điện phân nước muối để tạo ra "Axit hipoclorơ" có tác dụng khử trùng mạnh và kiểm soát nồng độ thích hợp

Dehumidifier - MÁY HÚT ẨM

*Màng lọc 4 trong 1

- + Khử mùi: 90%
- + Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
- + Vô hiệu hóa vi rút: 90%
- + Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%



F-YCT10V

8.050.000



F-YCT14V

10.350.000



F-YCT17V

11.300.000

Thông số kỹ thuật		F-YCT10V 8.050.000	F-YCT14V 10.350.000	F-YCT17V 11.300.000
- Phạm vi sử dụng	m²	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2.5	2.5	4.8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Bảo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 x 293 x 230	580 x 300 x 215	605 x 360 x 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13.0	11.5	14.0

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



(* Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater



KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4US1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.050.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4UP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.000.000



DH-4US1VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.250.000



DH-4UP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.200.000



DH-4UD1VZ

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



5.660.000



DH-4UDP1VZ

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



7.620.000



(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES

DH-3VS1VW

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



3.220.000

DH-4VS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



3.520.000



Dòng tiêu chuẩn

DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



3.710.000



NƯỚC ẤM NHÀ ÊM
Lâu bền hạnh phúc

Panasonic

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



Instant water heater - MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES

DH-3VP1VW

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



5.210.000

DH-4VP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



5.430.000



Dòng tiêu chuẩn

DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



5.670.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp

DH-4NTP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng.
- Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen.
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC.
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.080.000

MÁY NƯỚC NÓNG GIẢN TIẾP - Storage water heater



JAPAN QUALITY
TRUSTED FOR OVER 100 YEARS

MÁY NƯỚC NÓNG GIẢN TIẾP
HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

Hiệu suất vượt trội
Không có Thanh Magie

Ruột bình làm từ thép không gỉ*
Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

- Ruột bình được làm từ thép không gỉ sản xuất tại Nhật Bản
- Không có thanh magie

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

- Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
- Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
- Tích hợp cầu dao chống rò rỉ điện ELB
- Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

- Giữ nhiệt tốt nhờ tấm xốp Styrofoam
- Tiết kiệm điện năng lên đến 10%
- Công nghệ đun nóng cao cấp

THIẾT KẾ NHỎ GỌN

- Lắp đặt dễ dàng với cả không gian nhỏ và chật hẹp

BẢO HÀNH TỐI 12 NĂM
CHỖ BÌNH CHỨA
Áp dụng cho bình nóng gián tiếp ký hiệu hành điện tử

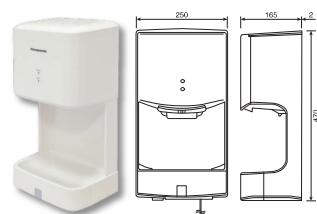
Mã sản phẩm		DH-15HBMVW	NEW DH-15HBMVWL	DH-20HBMVW	NEW DH-20HBMVWL	DH-30HBMVW	NEW DH-30HBMVWL
		4.420.000	4.570.000	4.620.000	4.760.000	5.140.000	5.280.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15		20		30	
	Điện vào (V)	220		220		220	
	Công suất (kW)	2.5		2.5		2.5	
	Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	0.75		0.75		0.75	
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75		75		75	
Thân máy	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30		40		60	
	Màu	Trắng		Trắng		Trắng	
	Đèn LED báo đang đun nước	•		•		•	
	Trọng lượng tịnh (kg)	7		8		10	
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323 x 437 x 310		323 x 526 x 310		323 x 704 x 310	
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật		Thép không gỉ từ Nhật		Thép không gỉ từ Nhật	
	Thanh đốt	Đồng	Incoloy	Đồng	Incoloy	Đồng	Incoloy
	Chống nước	•		•		•	
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam		Mút Styrofoam		Mút Styrofoam	
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng		Đồng		Đồng	
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•		•		•	
	Tự động ngắt nhiệt	•		•		•	
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•		•		•	
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4		IPX4		IPX4	
	Cấu trúc cách điện	•		•		•	
Xuất xứ	Tuần thủ chất liệu không bắt lửa	•		•		•	
		Malaysia		Malaysia		Malaysia	

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer



An Toàn - Tiết Kiệm Bảo Vệ Môi Trường



FJ-T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.400.000

FJ-T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.250.000





MÁY BƠM ĐẨY CAO

**GP-129JXK-SV5**

(Dây điện 12.5cm)

1.730.000

GP-129JXK-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

1.750.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m

**GP-200JXK-SV5**

(Dây điện 12.5 cm)

2.170.000

GP-200JXK-NV5

(Dây điện 125 cm + phích cắm)

2.190.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

**GP-250JXK-SV5**

(Dây điện 20 cm)

3.420.000

GP-250JXK-NV5

(Dây điện 125 cm + phích cắm)

3.450.000

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.



MÁY BƠM TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG

**A-130JAK**

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.430.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

**A-200JAK**

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.800.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

**A-130JACK**

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.900.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

**A-130JTX**

(Dây điện 125 cm + phích cắm)

4.150.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 9m
- Mô tơ dây đồng

**GA-125FAK**

(Dây điện 135cm + phích cắm)

3.210.000

- Bơm tăng áp điện tử nước LẠNH

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút

* Lưu ý lắp đặt bơm (áp dụng cho GA-125FAK và GA-200FAH)
1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ trên xuống.

2. Bơm cần đặt thấp hơn bồn chứa và vòi nước ra thấp hơn bồn chứa ít nhất 1m

**GA-200FAH**

(Dây điện 120cm + phích cắm)

4.100.000

- Bơm tăng áp điện tử nước NÓNG/LẠNH

- Công suất: 200W
- Lưu lượng nước: 50 lít/ phút

* Lưu ý:

Chịu được nước nóng 100°C

Yêu cầu lắp đặt tương tự GA-125FAK



MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Công suất

(W)

(HP)

Lưu lượng nước

tối đa (lít/phút)

Chiều hút sâu

(m)

Độ cao hút đẩy tối đa

(m)

Mô tơ

dây đồng

Giá bán

GP-10HCN1SVN

750

1

10-99

9

34-25

●

6.000.000

GP-15HCN1SVN

1.100

1,5

30-145

9

38,7-22

●

8.050.000

GP-20HCN1SVN

1.500

2

30-154

9

46,2-26

●

9.330.000

Panasonic

MÁY BƠM ĐẨY CAO & MÁY BƠM TĂNG ÁP PANASONIC

SONG BƠM HỢP LỰC SỨC NƯỚC TỐI ĐA

- Hiệu suất mạnh mẽ, tuổi thọ đến 10 năm
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN - VẬN HÀNH BỀN BỈ



ĐÈN CHIẾU SÁNG

ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NRP3061R

***Thiết kế hiện đại**

Kiểu dáng tròn thanh lịch, dễ dàng hòa hợp với mọi không gian – từ nhà ở, văn phòng đến showroom.

***Chiếu sáng góc rộng**

Góc chiếu 120°, ánh sáng tán quang dịu nhẹ, không chói – lan tỏa đều khắp không gian, bảo vệ mắt tối ưu.

***Tuổi thọ vượt trội**

Tiết kiệm điện năng, vận hành ổn định với tuổi thọ lên đến 25.000 giờ, giải pháp chiếu sáng bền vững và kinh tế.



- ĐÈN DOWNLIGHT
- ĐÈN SLIM PANEL
- ĐÈN ỐP TRẦN



- ĐÈN OFFICE PANEL



- ĐÈN BULB - HOA CÚC



- ĐÈN T8 - MÁNG ĐÈN
- ĐÈN BÁN NGUYỆT



- ĐÈN BÀN



- ĐÈN BẮT MUỐI
- ĐÈN ĐỘI ĐẦU
- ĐÈN SỬI PHÒNG TẮM

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN HERA SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- * Chất liệu thân đèn: Nhôm
- * Thiết kế driver nguồn rời
- * Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí
- * Sử dụng LED Bridgelux



Hình ảnh	Màu viền	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	viền trắng	NSD076W90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	125.000
		NSD074W90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073W90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CW90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	145.000
		NSD096W110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	149.000
		NSD094W110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093W110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CW110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	175.000
		NSD126W135	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	180.000
		NSD124W135		1000	Trung tính 4000K				
		NSD123W135		900	Vàng 3000K				
	viền vàng	NSD076G90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074G90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073G90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CG90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096G110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000
		NSD094G110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093G110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CG110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126G135	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000
		NSD124G135		1000	Trung tính 4000K				
		NSD123G135		900	Vàng 3000K				
	viền bạc	NSD076S90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074S90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073S90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CS90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096S110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000
		NSD094S110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093S110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CS110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126S135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000
		NSD124S135		1.000	Trung tính 4000K				
		NSD123S135		900	Vàng 3000K				
		NSD12CS135	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	211.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN MIRA SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu: Nhôm nhựa
* Thiết kế driver nguồn rời



NPM09C



NPM126



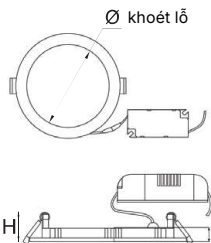
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPM096	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	135.000
NPM094		700	Trung tính 4000K				
NPM093		630	Vàng 3000K				
NPM09C	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	154.000
NPM126	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	160.000
NPM124		1.000	Trung tính 4000K				
NPM123		900	Vàng 3000K				
NPM12C	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	181.000

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN

Đèn Slim Panel âm trần



* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí

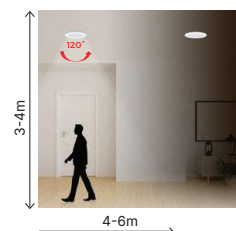
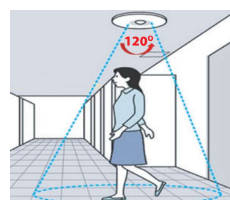


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSD0661	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Ø120/ H22	Ø110	36	130.000
NSD0641		400	Trung tính 4000K				
NSD0631		360	Vàng 3000K				
NSD06C1	6W/ 220V	420-462	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø120/ H22	Ø110	36	150.000
NSD0961	9W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø145/ H22	Ø135	40	165.000
NSD0941		620	Trung tính 4000K				
NSD0931		600	Vàng 3000K				
NSD09C1	9W/ 220V	630-693	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/ H22	Ø135	40	215.000
NSD1261	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Ø174/ H22	Ø160	40	191.000
NSD1241		820	Trung tính 4000K				
NSD1231		800	Vàng 3000K				
NSD12C1	12W/ 220V	824-840	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø174/ H22	Ø160	40	252.000
NSD1561	15W/ 220V	1.125	Trắng 6500K	Ø200/ H22	Ø185	40	252.000
NSD1541		1.125	Trung tính 4000K				
NSD1531		1.050	Vàng 3000K			20	

Đèn Slim Panel âm trần cảm biến



* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí
* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến
* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động
* Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 4-6m, độ cao trần 3-4m



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSD093S	9W/ 220V	600	Vàng 3000K	Ø145/ H22	Ø135	30	311.000
NSD123S	12W/ 220V	800	Vàng 3000K	Ø174/ H22	Ø160	24	340.000

ĐÈN DOWNLIGHT 3S - ĐÈN DOWNLIGHT DOB

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- * Chất liệu thân đèn: Nhôm
- * Thiết kế driver nguồn rời
- * Thiết kế đa dạng màu với 3 màu viền đèn trắng - vàng - bạc
- * Sử dụng LED Seoul Semiconductor
- * Độ sáng cao: 105lm/W



ĐÈN DOWNLIGHT 3S SERIES



Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NDL096W90	NDL096G90	NDL096S90	9W/ 220V	945	Trắng 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	174.000
NDL094W90	NDL094G90	NDL094S90		945	Trung tính 4000K				
NDL093W90	NDL093G90	NDL093S90		900	Vàng 3000K				
NDL09CW90	NDL09CG90	NDL09CS90	9W/220V	900-945	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	205.000
NDL126W110	NDL126G110	NDL126S110	12W/ 220V	1.260	Trắng 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	200.000
NDL124W110	NDL124G110	NDL124S110		1.260	Trung tính 4000K				
NDL123W110	NDL123G110	NDL123S110		1.200	Vàng 3000K				
NDL12CW110	NDL12CG110	NDL12CS110	12W/220V	1.200-1.260	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	235.000

NEW

ĐÈN DOWNLIGHT - ECO METAL SERIES



- * Chất liệu: Thân đèn nhôm
- * Thiết kế driver tích hợp
- * Độ sáng cao: 100lm/W

* Dự kiến có hàng Tháng 03/2026



Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NEMD106W90	NEMD106G90	NEMD106S90	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	136.000
NEMD104W90	NEMD104G90	NEMD104S90			Trung tính 4000K				
NEMD103W90	NEMD103G90	NEMD103S90			Vàng 3000K				
NEMD10CW90	NEMD10CG90	NEMD10CS90	10W/220V	900	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	152.000
NEMD106W110	NEMD106G110	NEMD106S110	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	156.000
NEMD104W110	NEMD104G110	NEMD104S110			Trung tính 4000K				
NEMD103W110	NEMD103G110	NEMD103S110			Vàng 3000K				
NEMD10CW110	NEMD10CG110	NEMD10CS110	10W/220V	900	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	172.000
NEMD126W110	NEMD126G110	NEMD126S110	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	163.000
NEMD124W110	NEMD124G110	NEMD124S110			Trung tính 4000K				
NEMD123W110	NEMD123G110	NEMD123S110			Vàng 3000K				
NEMD12CW110	NEMD12CG110	NEMD12CS110	12W/220V	1.080	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	186.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

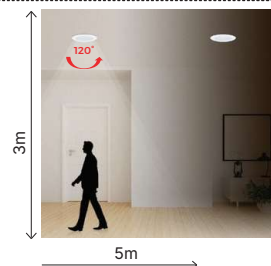


* Chất liệu: thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver tích hợp
* Độ sáng cao: 90lm/W

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NED076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	113.000
	NED074		630	Trung tính 4000K				
	NED073		595	Vàng 3000K				
	NED07C	7W/220V	595-630	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	133.000
	NED096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	130.000
	NED094		810	Trung tính 4000K				
	NED093		765	Vàng 3000K				
	NED09C	9W/220V	765-810	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	146.000
	NED123	12W/220V	910	Vàng 3000K	Ø140/H45	Ø120	40	150.000
	NED12C	12W/220V	910-980	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø140/H45	Ø120	40	174.000
	NED1261	12W/ 220V	1.080	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	150.000
	NED1241		1.080	Trung tính 4000K				
	NED1231		1.020	Vàng 3000K				
	NED12C1	12W/220V	1.020-1.080	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	174.000
	NED156	15W/ 220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	191.000
	NED154		1.350	Trung tính 4000K				
	NED153		1.275	Vàng 3000K				
	NED186	18W/ 220V	1.620	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	208.000
	NED184		1.620	Trung tính 4000K				
	NED183		1.530	Vàng 3000K				
	NED246	24W/ 220V	2.160	Trắng 6500K	Ø220/H45	Ø195	40	281.000
	NED244		2.160	Trung tính 4000K				
	NED243	24W/220V	2.040	Vàng 3000K				



* Chất liệu: Thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn
* Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 5m, độ cao trần 3m
* Đèn tự động tắt sau 60 giây khi kết thúc chuyển động
* Khoảng cách lắp đặt giữa các đèn cảm biến nên cách nhau 2,5m
* Cảm biến radar có thể phát hiện chuyển động sau tường, cửa

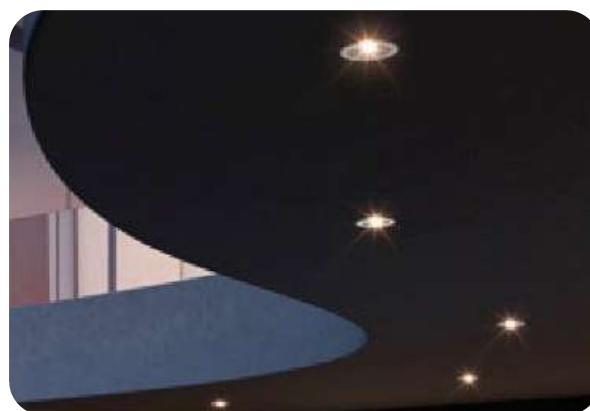


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NED096S	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	195.000
NED093S		655	Vàng 3000K				
NED126S	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	240.000
NED123S		936	Vàng 3000K				

ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC



* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa thấu kính nhựa PC trong suốt.
* Điều chỉnh được góc xoay tối đa 20 độ, tùy theo mục đích sử dụng trong nhà, thích hợp chiếu điểm trưng bày sản phẩm, tranh tường.



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NADL076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	166.000
NADL074			Trung tính 4000K				
NADL073			Vàng 3000K				
NADL096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	183.000
NADL094			Trung tính 4000K				
NADL093			Vàng 3000K				

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC



- * Chất liệu: thân đèn nhựa PC
- * Thiết kế driver nguồn tích hợp
- * Độ sáng cao 95 lm/W



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NDL0569	5W/ 220V	460	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	171.000
NDL0549		460	Trung tính 4000K				
NDL0539		430	Vàng 3000K				
NDL05C	5W/ 220V	430 - 460	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	224.000
NDL086	8W/ 220V	780	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	179.000
NDL084		780	Trung tính 4000K				
NDL083		730	Vàng 3000K				
NDL08C	8W/ 220V	730 - 780	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	238.000
NDL126	12W/ 220V	1.200	Trắng 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	252.000
NDL124		1.200	Trung tính 4000K				
NDL123		1.120	Vàng 3000K				
NDL12C	12W/ 220V	1.120 - 1.200	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	333.000
NDL146	14W/ 220V	1.400	Trắng 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	265.000
NDL144		1.400	Trung tính 4000K				
NDL143		1.300	Vàng 3000K				
NDL14C	14W/ 220V	1.300 - 1.400	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	363.000

ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM



* Chất liệu: Đế hợp kim + chụp đèn nhựa kỹ thuật PMMA



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m²)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP1	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	371.000
NCL184MP1		1440	Trung tính 4000K				
NCL183MP1		1400	Vàng 3000K				
NCL18CMP1	18W/220V	1440	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	408.000
NCL246MP1	24W/220V	1920	Trắng 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	416.000
NCL244MP1		1920	Trung tính 4000K				
NCL243MP1		1870	Vàng 3000K				
NCL24CMP1	24W/220V	1920	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	478.000

* Chất liệu: thân đèn nhựa PC, chụp đèn nhựa acrylic màu trắng sữa



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m²)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ285/ H60	8-12	6	371.000
NCL183MP		1400	Vàng 3000K				
NCL246MP	24W/220V	1920	Trắng 6500K	Φ335/ H60	10-15	6	416.000
NCL243MP		1870	Vàng 3000K				

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN ỒP NỔI TRẦN VIÊN - NANCY SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu: thân đèn nhựa, hóa đèn nhựa



3000K

4000K

6500K

	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Tròn	NRP1561R	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	Φ170/H36	20	220.000
	NRP1541R			Trung tính 4000K			
	NRP1531R			Vàng 3000K			
	NRP15C1R	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ170/H36	20	250.000
	NRP2261R	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	Φ220/H36	20	290.000
	NRP2241R			Trung tính 4000K			
	NRP2231R			Vàng 3000K			
	NRP22C1R	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ220/H36	20	324.000
	NRP3061R	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	Φ300/H36	10	405.000
	NRP3041R			Trung tính 4000K			
	NRP3031R			Vàng 3000K			
Vuông	NRP30C1R	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ300/H36	10	472.000
	NRP1561S	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	170x170x38	20	230.000
	NRP1541S			Trung tính 4000K			
	NRP1531S			Vàng 3000K			
	NRP15C1S	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	170x170x38	20	260.000
	NRP2261S	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	220x220x38	20	300.000
	NRP2241S			Trung tính 4000K			
	NRP2231S			Vàng 3000K			
	NRP22C1S	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	220x220x38	20	335.000
	NRP3061S	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	300x300x38	10	440.000
	NRP3041S			Trung tính 4000K			
	NRP3031S			Vàng 3000K			
	NRP30C1S	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	300x300x38	10	510.000

*Dự kiến có hàng T03/2026

ĐÈN ỒP NỔI TRẦN VIÊN



* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NRP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Φ123/ H42	40	198.000
NRP124R		1.020	Trung tính 4000K			
NRP123R		960	Vàng 3000K			
NRP186R	18W/220V	1.530	Trắng 6500K	Φ176/ H43	20	266.000
NRP184R		1.530	Trung tính 4000K			
NRP183R		1.440	Vàng 3000K			
NRP246R	24W/220V	2.040	Trắng 6500K	Φ228/ H43	20	367.000
NRP244R		2.040	Trung tính 4000K			
NRP243R		1.920	Vàng 3000K			

ĐÈN ỒP TRẦN NỔI VIÊN MỎNG



* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSFP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Φ120/ H39,5	40	240.000
NSFP123R		960	Vàng 3000K			
NSFP186R		1.530	Trắng 6500K			
NSFP184R	18W/220V	1.530	Trung tính 4000K	Φ174,5/ H39,5	20	346.000
NSFP183R		1.440	Vàng 3000K			
NSFP246R		2.040	Trắng 6500K			
NSFP244R	24W/220V	2.040	Trung tính 4000K	Φ224/ H39,5	20	526.000
NSFP243R		1.920	Vàng 3000K			

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ỚP TRẦN NỔI



* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

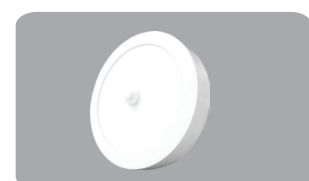
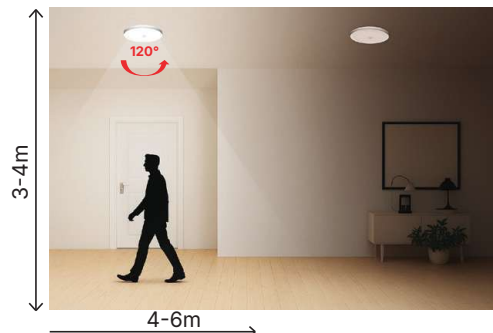


Hình ảnh	Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
	Viên trắng	Viên đen						
Tròn	NPL066R	NPL066RB	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Ø118/H30	40	158.000
	NPL064R	NPL064RB		400	Trung tính 4000K			
	NPL063R	NPL063RB		360	Vàng 3000K			
	NPL06CRW	NPL06CRB	6W/220V	360-420	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H30	40	174.000
	NPL126R	NPL126RB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Ø164/H30	20	222.000
	NPL124R	NPL124RB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123R	NPL123RB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CRW	NPL12CRB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø164/H30	20	252.000
	NPL186R	NPL186RB	18W/ 220V	1.300	Trắng 6500K	Ø214/H30	20	275.000
	NPL184R	NPL184RB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183R	NPL183RB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CRW	NPL18CRB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø214/H30	20	324.000
Vuông	NPL246R	NPL246RB	24W/ 220V	1.700	Trắng 6500K	Ø288/H32	10	407.000
	NPL244R	NPL244RB		1.550	Trung tính 4000K			
	NPL243R	NPL243RB		1.500	Vàng 3000K			
	NPL24CRW	NPL24CRB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø288/H32	10	484.000
	NPL126S	NPL126SB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	162×162×30	20	235.000
	NPL124S	NPL124SB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123S	NPL123SB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CSW	NPL12CSB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	162×162×30	20	264.000
	NPL186S	NPL186SB	18W/ 220V	1.300	Trắng 6500K	213×213×30	20	305.000
	NPL184S	NPL184SB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183S	NPL183SB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CSW	NPL18CSB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	213×213×30	20	341.000
	NPL246S	NPL246SB	24W/ 220V	1.700	Trắng 6500K	288×288×32	10	445.000
	NPL244S	NPL244SB		1.550	Trung tính 4000K			
	NPL243S	NPL243SB		1.500	Vàng 3000K			
	NPL24CSW	NPL24CSB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	288×288×32	10	514.000

ĐÈN ỚP TRẦN NỔI CẢM BIẾN



* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
 * Thiết kế dạng lắp nổi tiện sử dụng, thích hợp cho khu vực không đóng trần thạch cao
 * Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến
 * Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động



Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại tròn

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126RS	12W/220V	840	Trắng 6500K	Ø 171/ H38	20	419.000
NPL186RS	18W/220V	1.300		Ø 224/ H38	20	495.000
NPL246RS	24W/220V	1.700		Ø 300/ H38	10	662.000



Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại vuông

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126SS	12W/220V	840	Trắng 6500K	170×170×38	20	437.000
NPL186SS	18W/220V	1.300		225×225×38	20	515.000
NPL246SS	24W/220V	1.700		300×300×38	10	692.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL - MARIS SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



CRI
Ra80



IP
20



*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có **hiệu suất chiếu sáng cao 100lm/W**
* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần
* Sử dụng LED Bridgelux

NEW

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB303061	18W/ 220V	1.800	Trắng 6500K	300x300x32	10	449.000
NPLB303041			Trung tính 4000K			
NPLB306061	24W/220V	2.400	Trắng 6500K	300x600x32	5	490.000
NPLB306041			Trung tính 4000K			
NPLB606061	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	700.000
NPLB606041			Trung tính 4000K			
NPLB606062	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	748.000
NPLB606042			Trung tính 4000K			
NPLB301261	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	300x1200x32	5	835.000
NPLB301241			Trung tính 4000K			
NPLB601261	60W/220V	6.000	Trắng 6500K	600x1200x32	5	1.460.000
NPLB601241			Trung tính 4000K			

Phụ kiện dùng cho
Đèn Backlit Office Panel - Maris series



NPLB1-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

41.000



NPLB1-H4
Bộ 2 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1,5m

66.000

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL



CRI
Ra80



IP
20



*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có **hiệu suất chiếu sáng cao 95lm/W**
* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB30304	18W/220V	1.700	Trung tính 4000K	295x295x30	10	530.000
NPLB60606	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	595x595x30	5	701.000
NPLB60604			Trung tính 4000K			
NPLB30126	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	295x1195x30	5	970.000
NPLB30124			Trung tính 4000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel



NPLB-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

41.000



NPLB-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m

66.000

ĐÈN SIDELIT OFFICE PANEL



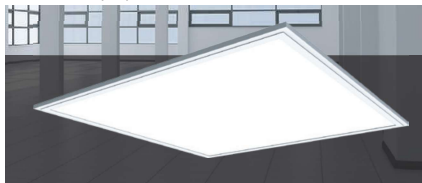
CRI
Ra80



IP
20

*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí theo viền khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang, tấm phản quang, tấm tán quang. Do đó phân bố **ánh sáng đều dịu nhẹ**, không quá chói.
* Thiết kế dạng tấm siêu mỏng, hiện đại thích hợp sử dụng lắp đặt cho văn phòng...

* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL30306	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	295x295x8,8	10	641.000
NPL30304		1.600	Trung tính 4000K			
NPL30303		1.520	Vàng 3000K			
NPL30606	24W/220V	2.100	Trắng 6500K	595x295x8,8	5	788.000
NPL30604		2.100	Trung tính 4000K			
NPL30603		1.995	Vàng 3000K			
NPL60606	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	595x595x8,8	5	956.000
NPL60604		3.600	Trung tính 4000K			
NPL60603		3.420	Vàng 3000K			
NPL30126	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	1195x295x9,4	5	1.110.000
NPL30124		3.600	Trung tính 4000K			
NPL30123		3.420	Vàng 3000K			
NPL60126	60W/220V	5.400	Trắng 6500K	1195x595x9,4	4	2.663.000
NPL60124		5.400	Trung tính 4000K			
NPL60123		5.130	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Sidelit Office Panel



NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

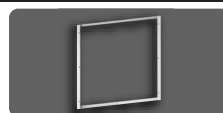
41.000



NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m

66.000

KHUNG LẮP NỔI DÙNG CHO ĐÈN OFFICE PANEL BACK LIT VÀ SIDE LIT



NPLF6060

Chất liệu nhôm sơn tĩnh điện màu trắng, độ dày 1,2mm
Kích thước: L606xW606xH50mm
Sử dụng với đèn Office Panel 600 x 600 (Chiều cao đèn & nguồn <50mm)

396.000

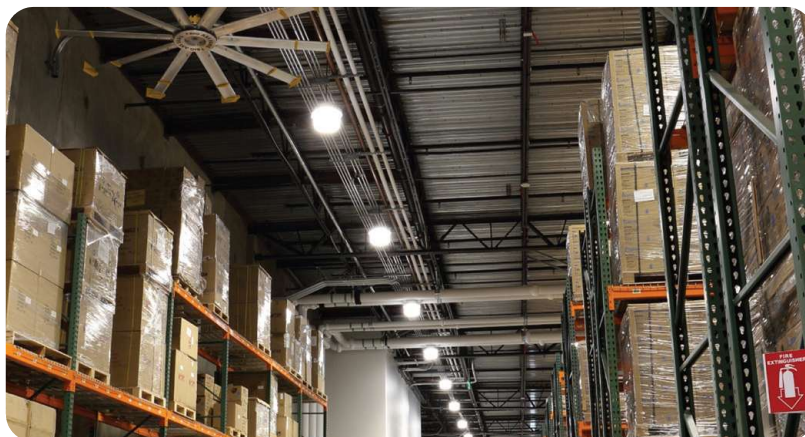
*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

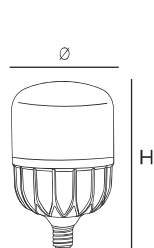
ĐÈN BULB TRỤ E27



* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

ĐÈN BULB TRỤ E27
LITE SERIES - IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa
* Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu

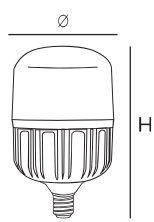


NEW

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/H135	40	72.000
NLBL203		1.900	Vàng 3000K	Φ80/H135	40	72.000
NLBL306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100/H160	20	108.000
NLBL303		2.850	Vàng 3000K	Φ100/H160	20	108.000
NLBL406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Φ120/H195	20	146.000
NLBL403		3.800	Vàng 3000K	Φ120/H195	20	146.000
NLBL506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/H220	20	190.000
NLBL503		4.750	Vàng 3000K	Φ140/H220	20	190.000

ĐÈN BULB TRỤ E27
TITAN SERIES - IP 20

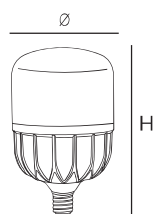
* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa
* Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu
* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBT206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/H140	40	113.000
NLBT203		1.800	Vàng 3000K	Φ80/H140	40	113.000
NLBT306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100/H172	12	155.000
NLBT303		2.700	Vàng 3000K	Φ100/H172	12	155.000
NLBT406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Φ120/H205	12	211.000
NLBT403		3.600	Vàng 3000K	Φ120/H205	12	211.000
NLBT506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/H242	12	288.000
NLBT503		4.500	Vàng 3000K	Φ140/H242	12	288.000

ĐÈN BULB TRỤ E27
LOTUS SERIES - IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa
* Độ sáng cao 80lm/W



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLB206	20W/220V	1.600	Trắng 6500K	Φ70/H123	60	110.000
NLB306	30W/220V	2.400	Trắng 6500K	Φ80/H141	40	148.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN BULB TRÒN E27

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



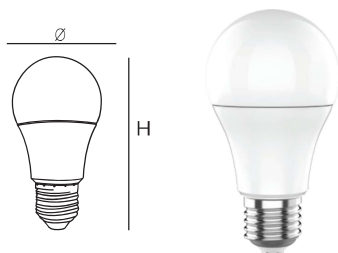
* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)



* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa
* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng
* Độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu



ĐÈN BULB TRÒN E27 LITE SERIES - IP 20



NEW

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	34.000
NLBL033		285	Vàng 3000K			
NLBL053	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55 / H100	60	38.000
NLBL056		475	Vàng 3000K			
NLBL076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H106	60	40.000
NLBL073		665	Vàng 3000K			
NLBL096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	45.000
NLBL093		855	Vàng 3000K			
NLBL126	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ70/ H135	60	58.000
NLBL123		1.140	Vàng 3000K			
NLBL156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	30	70.000
NLBL153		1.425	Vàng 3000K			

* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor

ĐÈN BULB TRÒN E27 - IP 20



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBA036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	42.000
NLBA033		285	Vàng 3000K			
NLBA056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55/ H100	60	47.000
NLBA053		475	Vàng 3000K			
NLBA076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H108	60	56.000
NLBA073		665	Vàng 3000K			
NLBA096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	65.000
NLBA093		855	Vàng 3000K			
NLBA126	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ70/ H138	60	74.000
NLBA123		1.140	Vàng 3000K			
NLBA156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	40	93.000
NLBA153		1.425	Vàng 3000K			
NLBA206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ95/ H187	12	132.000
NLBA203		1.900	Vàng 3000K			
NLBA306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ120/ H232	12	181.000
NLBA303		2.850	Vàng 3000K			

ĐÈN BULB NÔNG NGHIỆP HOA CÚC



* Chất liệu thân đèn nhôm nhựa, chóa nhựa trong, dùng dui đèn E27
* Sử dụng công nghệ chiếu sáng nhân tạo bằng đèn Led chuyên dụng giúp tiết kiệm điện và điều tiết sinh trưởng của hoa cúc

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBC093	09W/220V	900	Vàng 3000K	Φ60/ H108	60	68.000

ĐÈN BULB TRANG TRÍ E27



* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa
* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLB02W	1.5W/220V	Trắng	Φ45/ H68	100	22.000
NLB02Y		Vàng			
NLB02O		Cam			
NLB02R		Đỏ			
NLB02B		Xanh dương			
NLB02G		Xanh lục			
NLB02P		Hồng			
NLB02V		Tím			

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN TUÝP T8

CRI
Ra80

180°

IP
20

* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng,
dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương)
và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm
đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)



ĐÈN TUÝP T8 THỦY TINH

SIÊU TIẾT KIỆM
SIÊU SÁNG - ĐỘ SÁNG TĂNG 30%

Đèn LED tuýp T8 Lite Series



NEW



Thủy tinh

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8G106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	70.000
NT8G103		1.200	Vàng 3000K			
NT8G206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	90.000
NT8G203		2.400	Vàng 3000K			
NT8G406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	108.000
NT8G403		4.000	Vàng 3000K			

NEW



Thủy tinh bọc nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8P106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	81.000
NT8P103		1.200	Vàng 3000K			
NT8P226	22W/220V	2.640	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	125.000
NT8P223		2.640	Vàng 3000K			

Đèn LED tuýp T8



Thủy tinh

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	79.000
NT8T103		1.150	Vàng 3000K			
NT8T206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	107.000
NT8T203		2.250	Vàng 3000K			
NT8T406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	125.000
NT8T403		4.000	Vàng 3000K			



Thủy tinh bọc nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T0961	9W/220V	900	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	81.000
NT8T0931		860	Vàng 3000K			
NT8T1861	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	114.000
NT8T1831		1.750	Vàng 3000K			
NT8T226	22W/220V	2.200	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	132.000
NT8T223		2.010	Vàng 3000K			

*Giá bán đã bao gồm VAT

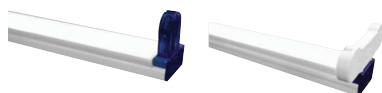
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



MÁNG ĐÈN TUÝP T8

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

* Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0,3mm, sơn tĩnh điện trắng



Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F106	220V	G13	35x618x18	1 bóng T8 0,6m	25	45.000
NT8F112	220V	G13	35x1228x18	1 bóng T8 1,2m	25	53.000
NT8F212	220V	G13	40x1228x23	2 bóng T8 1,2m	25	91.000



Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N	220V	G13	43,5x620x18,5	1 bóng T8 0,6m	25	73.000
NT8F118N	220V	G13	43,5x1230x18,5	1 bóng T8 1,2m	25	95.000
NT8F218N	220V	G13	43,5x1230x18,5	2 bóng T8 1,2m	25	114.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC



* Chất liệu: thân nhựa PC màu xám, chóa nhựa trong
 * Độ chống nước cao IP65 thích hợp sử dụng nơi có độ ẩm cao
 * Nhiệt độ sử dụng thích hợp từ -20 đến 40°C
 * Sử dụng với bóng LED tuýp T8
 * Sản phẩm không kèm bóng

AN TOÀN - BỀN BỈ



Máng loại 1 bóng

Máng loại 2 bóng

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NWP106	220V	660 x 70 x 75	1 bóng T8 0,6m	18	268.000
NWP112		1270 x 70 x 75	1 bóng T8 1,2m	12	453.000
NWP212		1270 x 110 x 72	2 bóng T8 1,2m	8	608.000

BỘ MÁNG ĐÈN T8



* Đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

Bộ máng đèn t8 thủy tinh



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8FG106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8G106	15	120.000
NT8FG103		1.200	Vàng 3000K		NT8F106 + NT8G103		
NT8FG206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8G206	15	145.000
NT8FG406		4.000	Trắng 6500K		NT8F112 + NT8G406		
NT8FG203	40W/220V	2.400	Vàng 3000K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8G203	15	175.000
NT8FG403		4.000	Vàng 3000K		NT8F112 + NT8G403		
NT8F1106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8T106	15	125.000
NT8F1103		1.150	Vàng 3000K		NT8F106 + NT8T103		
NT8F1206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T206	15	163.000
NT8F1203		2.250	Vàng 3000K		NT8F112 + NT8T203		
NT8F1406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T406	15	187.000
NT8F1403		4.000	Vàng 3000K		NT8F112 + NT8T403		

Bộ máng đèn t8 thủy tinh bọc nhựa



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N6	9W/220V	900	Trắng 6500K	43,5 x 620 x 18,5	NT8F109N + NT8T0961	15	147.000
NT8F109N3		860	Vàng 3000K		NT8F109N + NT8T0931		
NT8F118N6	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	43,5 x 1230 x 18,5	NT8F118N + NT8T1861	15	206.000
NT8F118N3		1.750	Vàng 3000K		NT8F118N + NT8T1831		

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN BÁN NGUYỆT



* Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối



Bán nguyệt ECO

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHE206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 28	10	160.000
NSHE204			Trung tính 4000K			
NSHE203			Vàng 3000K			
NSHE406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	230.000
NSHE404			Trung tính 4000K			
NSHE403			Vàng 3000K			
NEW NSHE506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	250.000
NSHE504			Trung tính 4000K			
NSHE503			Vàng 3000K			

*Dự kiến có hàng T03/2026



* Chất liệu: Thân và chóa đèn nhựa PC trắng



Bán nguyệt Oval - Nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHOP253	25W/220V	3.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 31	10	199.000
NSHOP254			Trung tính 4000K			
NSHOP256			Vàng 3000K			
NSHOP503	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 31	10	299.000
NSHOP504			Trung tính 4000K			
NSHOP506			Vàng 3000K			
NSHOP703	70W/220V	8.400	Trắng 6500K	1203 x 80 x 31	10	380.000
NSHOP704			Trung tính 4000K			
NSHOP706			Vàng 3000K			



* Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC



Bán nguyệt Oval - Nhôm

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHO206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 61 x 31	10	202.000
NSHO204		2.000	Trung tính 4000K			
NSHO203		1.820	Vàng 3000K			
NSHO406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 61 x 31	10	328.000
NSHO404		4.000	Trung tính 4000K			
NSHO403		3.630	Vàng 3000K			
NSHO606	60W/220V	6.600	Trắng 6500K	1200 x 86 x 30	10	410.000
NSHO604		6.600	Trung tính 4000K			
NSHO603		6.000	Vàng 3000K			



* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC

* Sử dụng LED Bridgelux



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHV186	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	600 x 75 x 30	10	199.000
NSHV184		1.800	Trung tính 4000K			
NSHV183		1.710	Vàng 3000K			
NSHV366	36W/220V	3.600	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	320.000
NSHV364		3.600	Trung tính 4000K			
NSHV363		3.420	Vàng 3000K			
NSHV456	45W/220V	4.500	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	340.000
NSHV454		4.500	Trung tính 4000K			
NSHV453		4.275	Vàng 3000K			



* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSH186	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	600 x 75 x 27	10	249.000
NSH184			Trung tính 4000K			
NSH183			Vàng 3000K			
NSH366	36W/220V	3.000	Trắng 6500K	1200 x 75 x 27	10	425.000
NSH364			Trung tính 4000K			
NSH363			Vàng 3000K			

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN BÀN

* Khi mua tặng kèm 1 bóng bulb 5W sử dụng dui đèn E27



(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- NDKC01P** - Đèn bàn thỏ hồng
NDKC01BE - Đèn bàn thỏ xanh dương
- Căn đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
 - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ
 - Kích thước sản phẩm: 125 x 145 x 410 mm
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

235.000



- NDKC03WG** - Đèn bàn xanh lá
NDKC03WGY - Đèn bàn xám
NDKC03WP - Đèn bàn hồng
- Chóa đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh góc chiếu
 - Chất liệu: Thân và chóa đèn kim loại, đế gỗ
 - Kích thước sản phẩm: 165 x 165 x 400mm
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

395.000



- NDKC02W** - Đèn bàn trắng
NDKC02B - Đèn bàn đen
- Căn đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
 - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ
 - Kích thước sản phẩm: 125 x 142 x 378mm
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

217.000



- NDKC04IB** - Đèn bàn vàng đen
- Thiết kế cổ điển sang trọng
 - Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu ở 2 vị trí khóa vận
 - Chất liệu: Hợp kim cao cấp
 - Kích thước sản phẩm: 178 x 178 x 420mm
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

610.000

ĐÈN BÀN LED - NESSA SERIES



- NDKR908** - Trắng
- Công suất: 8W
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
 - Quang thông: 490lm - Độ rọi: 1.800lux
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
 - Tính năng:
 - + Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
 - + Tích hợp điều chỉnh màu đèn ngủ vô cấp ở đế đèn
 - Chất liệu: Nhựa ABS
 - Kích thước sản phẩm: 149 x 150 x 311mm
 - Kèm adapter
 - Đóng gói: 8 cái/thùng

865.000



- NDKC618** - Trắng
- Công suất: 8W
 - Điện áp: Đầu ra DC5V, đầu vào 100-240V
 - Quang thông: 480lm - Độ rọi: 1.200lux
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
 - Tính năng:
 - + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
 - + Tích hợp điều chỉnh pin lithium dùng khi mất điện: thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 2h30
 - + Tích hợp đèn ngủ ở đế đèn
 - Chất liệu: Nhựa ABS
 - Kích thước sản phẩm: 375 x 170 x 405mm
 - Không kèm adapter (đầu ra cấp sạc USB, dùng với adapter 5V 2A)
 - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.030.000



- NDKR478** - Trắng
- Công suất: 8W
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
 - Quang thông: 400lm - Độ rọi: 1600lux
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
 - Tính năng:
 - + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 5 cấp độ
 - + Tích hợp mặt đồng hồ điện tử (thể hiện thời gian, ngày, nhiệt độ, báo thức)
 - Chất liệu: Nhựa ABS
 - Kích thước sản phẩm: 340 x 160 x 384mm
 - Kèm adapter, kèm pin CR2032 dùng cho mặt đồng hồ
 - Đóng gói: 8 cái/thùng

1.130.000



- NDKC668** - Trắng bạc ánh kim
- Công suất: 8W
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
 - Quang thông: 560lm - Độ rọi: 1155lux
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
 - Tính năng: Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm ánh kim cao cấp, đế đèn nhựa ABS
 - Kích thước sản phẩm: 445 x 130 x 394mm
 - Kèm adapter
 - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.130.000

ĐÈN BÀN LED



- NDK10WC** - Đèn bàn LED
- Công suất/ Điện thế sử dụng: 10W/Cốc sạc DC 5V 2A
 - Pin Lithium 18650 3,7V, dung lượng 1.500mAh
 - Quang thông: 400lm
 - Tùy chỉnh nhiệt độ màu 3500K - 4000K - 4500K
 - Kích thước sản phẩm: 130 x 150 x 350mm
 - Khối lượng sản phẩm: 0,709kg
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

- * Chất liệu: Nhựa ABS trắng
- * Căn đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- * Độ rọi trên bàn 1300lux đảm bảo độ sáng học tập và làm việc
- * Điều chỉnh cường độ sáng vô cấp bằng phím cảm ứng một chạm
- * Thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 1,5h khi mất điện
- * Tính năng hẹn giờ tắt 30 phút
- * Tích hợp khay đựng bút và giá đỡ điện thoại tiện dụng
- * Kèm dây cáp USB

507.000

CỐC SẠC USB



- NUC5V2A**
- Công suất: Max 10,5W
 - Đầu vào: 100-240V, 50-60Hz, 0,22A
 - Đầu ra: 5V-2,1A
 - Chất liệu: nhựa ABS màu trắng
 - Kích thước sản phẩm: 35 x 45 x 23mm
 - Khối lượng sản phẩm: 0,2kg
 - Đóng gói: 1 cái/vi, 30 cái/ thùng

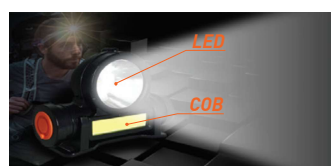
- * Đầu USB type A
- * Loại chân cắm đẹp

99.000

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ĐỘI ĐẦU

- * Chất liệu: Nhựa ABS
- * Pin Lithium 1200mAh
- * Thời gian hoạt động 4h
- * Thời gian sạc 8h



IP 44



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Rộng x Cao (mm)	Chế độ	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NHL0361B	3,5W/ Cổng sạc DC 5V 2A	260	Trắng	84 x 30 x 68	LED - FLASH - COB- OFF	30	117.000
NHL0362B		300	Trắng	84 x 30 x 45	LED - COB- OFF nhấn giữ điều chỉnh độ sáng		

ĐÈN BẮT MUỖI



IP 20

- * Chất liệu: Nhựa ABS
- * Chiều dài dây 1,2m
- * Tặng kèm 1 cây cọ vệ sinh
- * Khay đựng xác côn trùng dễ dàng tháo lắp, vệ sinh

- * Thu hút muỗi bằng bước sóng ánh sáng 365nm, từ nhiều hướng 360°
- * Tiêu diệt nhanh muỗi và các loại côn trùng nhờ lưới điện mạnh mẽ
- * Nên đặt đèn ở nơi tối, độ cao từ 1m đến 2m, xuất hiện nhiều muỗi để đạt hiệu suất cao nhất



NML06B



NML18B1

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Lưới điện (V)	Diện tích sử dụng (m²)	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NML06B	06W/220V	800-1000V	16	138 x 292	0.6	6	391.000
NML18B1	18W/220V	4000V	100	170 x 170 x 28.5	0.9	6	720.000



DIỆT MUỖI/ CÔN TRÙNG



LƯỚI ĐIỆN CỰC MẠNH



NHỰA ABS CAO CẤP

An toàn, tiện lợi, luôn bảo vệ gia đình bạn

VỢT MUỖI

NMR103BE - THÔNG MINH 2 IN 1



- Màu: Kem
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- 6 đèn thu hút muỗi ánh sáng tím
- Sạc nhanh 2 - 4 tiếng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Cổng sạc Type C và dây sạc
- Không bao gồm củ sạc
- Để cắm di động và móc treo
- Đóng gói: 20 cái/thùng

220.000

NMR102B - Màu xanh dương
NMR102BE - Màu kem

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Đóng gói: 20 cái/thùng

135.000

NMR101G - Xanh lá
NMR101P - Hồng

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa PP
- Đóng gói: 30 cái/thùng

120.000



NMR104O - Cam

- 1 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000



NMR105B - Xanh dương

- 2 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



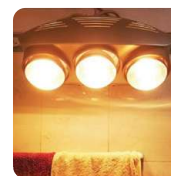
Cảnh báo: * Chỉ sử dụng đèn khi đã lắp đặt trên tường/ trần, cách với sàn nhà lớn hơn 2,1m
* Bỏ túi nilong bên ngoài đèn trước khi sử dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SƯỞI TREO TƯỜNG



- * Thân đèn nhựa PC
- * Kèm phụ kiện thanh treo, ốc vít
- * Chiều dài dây điện 3m
- * Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
 NBH634BE	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu beige, thân đèn màu bạc	410x191x227	6	930.000
 NBH649G	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	410x189x227	6	930.000
 NBH626G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	519x221x233	4	1.490.000
 NBH641S	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu bạc, thân đèn màu bạc	528x225x249	4	1.230.000
 NBH650G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	504x224x249	4	1.240.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN - CÓ QUẠT HÚT



- * Bề mặt nhựa PC
- * Kèm remote, ống dẫn
- * Chiều dài dây điện 1m
- * Điều khiển bằng remote
- * Quạt hút giúp luân chuyển không khí trong phòng và phân tán nhiệt đều
- * Phù hợp phòng tắm ấm và kín
- * Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Công suất quạt hút (W)	Lưu lượng gió (m³/h)	Kích thước ống dẫn	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
 NBHR201G	Lắp âm 2 bóng remote	550W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	400x226x170	345x190	4	2.210.000
 NBHR401G	Lắp âm 4 bóng remote	1100W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	364x364x175	290X290	2	2.600.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN NEW



- * Chất liệu: Bề mặt nhựa PC
- * Kèm dây cắm dài 1,5m
- * Điều khiển bằng công tắc
- * Chỉ tỏa nhiệt trực tiếp ở khu vực gần đèn
- * Phù hợp phòng tắm thoáng và diện tích nhỏ
- * Dùng với bóng NBH275G1

Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
 NBHR202W	Lắp âm 2 bóng công tắc	550W 220V/50Hz	Màu trắng	300x300x146	275x275	4	960.000

BÓNG ĐÈN SƯỞI E27



NEW

Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBH275G	Bóng rời E27 275W	275W/220V/50Hz	Bóng đèn màu vàng E27	D125xH183	20	150.000
NBH275G1				D115xH160	20	170.000

ĐÈN TRANG TRÍ ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

ĐÈN THẢ TRẦN NLNF405B Sử dụng chip LED Osram

*Thiết kế hiện đại

Kiểu dáng tối giản, đường nét tinh tế, dễ dàng phối hợp với nhiều không gian nội thất khác nhau.

*Công nghệ LED tiên tiến

Sử dụng chip LED hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, tản nhiệt hiệu quả và đảm bảo độ bền vượt trội.

*Phân bố ánh sáng đều

Chiếu sáng liên tục theo chiều dài đèn, không gây chói, mang lại cảm giác dễ chịu và tập trung khi sử dụng lâu dài.

• ĐÈN TRANG TRÍ

ĐÈN SPOTLIGHT ẨM TRẦN
ĐÈN TRACKLIGHT
ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ
ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM
ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

• ĐÈN LED DÂY

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI
ĐÈN LED DÂY NEON
ĐÈN LED DÂY COB
ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ
ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU

• ĐÈN NGOÀI TRỜI

ĐÈN PHA - SOLAR
ĐÈN SÂN VƯỜN - SOLAR
ĐÈN TRẦN
ĐÈN GẮN TƯỜNG
ĐÈN LỐI ĐI - CẢM BIẾN
ĐÈN ẨM ĐẤT
ĐÈN SPOTLIGHT



• ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM
ĐÈN HIGHBAY

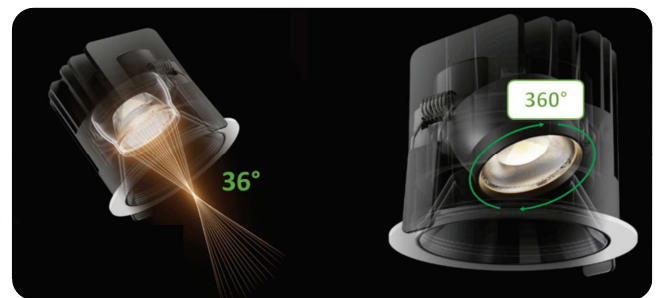
ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN

NEW

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu: Nhôm sơn tĩnh điện, thân đèn màu đen mờ, viền đèn màu trắng
 * Sử dụng Driver Lifud, chip LED Bridgelux
 * Có thể điều chỉnh hướng chiếu của đèn sau khi gắn trần
 * Dự kiến loại góc chiếu 24° có hàng vào Tháng 03/2026



Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Chóa chrome	Chóa trắng	Chóa đen							
NSP07WC366	NSP07WW366	NSP07WB366	07W/220V	630	Trắng 6500K	Φ69/ L62	Ø55	10	538.000
NSP07WC364	NSP07WW364	NSP07WB364			Trung tính 4000K				
NSP07WC363	NSP07WW363	NSP07WB363			Vàng 3000K				
NSP12WC366	NSP12WW366	NSP12WB366	12W/220V	1.080	Trắng 6500K	Φ83/ L72	Ø75	10	635.000
NSP12WC364	NSP12WW364	NSP12WB364			Trung tính 4000K				
NSP12WC363	NSP12WW363	NSP12WB363			Vàng 3000K				

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - SORA SERIES

NEW



* Chất liệu thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa
 * Đèn tracklight trực tiếp không cần sử dụng với thanh ray
 * Góc chiếu 24°, góc xoay 350°



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRS105B	NTRS105W	10W/220V	900	Trắng 5000K	Φ50/ L120	20	390.000
NTRS104B	NTRS104W		900	Trung tính 4000K			
NTRS103B	NTRS103W		900	Vàng 3000K			
NTRS205B	NTRS205W	20W/220V	1.800	Trắng 5000K	Φ70/ L150	20	560.000
NTRS204B	NTRS204W		1.800	Trung tính 4000K			
NTRS203B	NTRS203W		1.800	Vàng 3000K			

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - EIRA SERIES



- * Chất liệu thân đèn: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa trong
- * Thiết kế thân đèn thon gọn, sang trọng
- * Dùng kèm với phụ kiện thanh ray T2 bên dưới
- * Góc chiếu 24°, góc xoay 350°



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRE105B	NTRE105W	10W/220V	850	Trắng 5000K	Φ60/ H120	20	350.000
NTRE104B	NTRE104W		850	Trung tính 4000K			
NTRE103B	NTRE103W		810	Vàng 3000K			
NTRE205B	NTRE205W	20W/220V	1.700	Trắng 5000K	Φ66/ H130	12	460.000
NTRE204B	NTRE204W		1.700	Trung tính 4000K			
NTRE203B	NTRE203W		1.600	Vàng 3000K			
NTRE305B	NTRE305W	30W/220V	2.550	Trắng 5000K	Φ78/ H160	12	590.000
NTRE304B	NTRE304W		2.550	Trung tính 4000K			
NTRE303B	NTRE303W		2.400	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light T2 - EIRA series

NTRE-HR1W - Thanh ray T2 1m màu trắng
NTRE-HR1B - Thanh ray T2 1m màu đen
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
 Đóng gói: 20 cái/thùng **160.000**

NTRE-HR15W - Thanh ray T2 1.5m màu trắng
NTRE-HR15B - Thanh ray T2 1.5m màu đen
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
 Đóng gói: 20 cái/thùng **270.000**

NTRE-HR20W - Thanh ray T2 2m màu trắng
NTRE-HR20B - Thanh ray T2 2m màu đen
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
 Đóng gói: 20 cái/thùng **360.000**

NTRE-CW - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu đen
 Đóng gói: 50 cái/thùng **60.000**

NTRE-MCW - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-MCB - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu đen
 Đóng gói: 50 cái/thùng **22.000**

NTRE-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu đen
 Đóng gói: 50 cái/thùng **36.000**

NTRE-CB8W - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu trắng
NTRE-CB8B - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu đen
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
 Đóng gói: 50 cái/thùng **70.000**

ĐÈN TRACK LIGHT



- * Chất liệu: Thân đèn nhôm bọc nhựa, chóa đèn nhựa PC
- * Có thể điều chỉnh đèn xoay 330° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
- * Dùng kèm với phụ kiện đèn track light loại H



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTR076B	NTR076W	7W/220V	500	Trắng 6500K	Φ60/ H85	20	399.000
NTR074B	NTR074W		500	Trung tính 4000K			
NTR073B	NTR073W		475	Vàng 3000K			
NTR146B	NTR146W	14W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ85/ H134	20	599.000
NTR144B	NTR144W		1.200	Trung tính 4000K			
NTR143B	NTR143W		1.140	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light Nanoco

NTR-HR1W - Thanh ray loại H 1m màu trắng
NTR-HR1B - Thanh ray loại H 1m màu đen
 Chưa gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 35x18mm
 Loại T3 (L+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
 Đóng gói: 12 cái/thùng **295.000**

NTR-MCW - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng
NTR-MCB - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen
 Đóng gói: 200 cái/thùng **57.000**

NTR-TCW - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-TCB - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu đen
 Đóng gói: 100 cái/thùng **156.000**

NTR-CW - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen
 Đóng gói: 100 cái/thùng **80.000**

NTR-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu đen
 Đóng gói: 100 cái/thùng **119.000**

NTR-4CW - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-4CB - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu đen
 Đóng gói: 60 cái/thùng **202.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN RAY NAM CHÂM

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NMGF063B	Đèn pha nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x26x120	40	210.000
	NMGF064B				Trung tính 4000K				
	NMGF123B	Đèn pha nam châm	12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	110°	26x26x235	40	330.000
	NMGF124B				Trung tính 4000K				
	NMGG063B	Đèn chiếu điểm nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x26x120	40	260.000
	NMGG064B				Trung tính 4000K				
	NMGG123B	Đèn chiếu điểm nam châm	12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x26x235	40	430.000
	NMGG124B				Trung tính 4000K				
	NMGNG063B	Đèn chiếu điểm lưới nam châm chống chói	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x26x120	40	270.000
	NMGNG064B				Trung tính 4000K				
	NMGNG123B	Đèn chiếu điểm lưới nam châm chống chói	12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x26x235	40	450.000
	NMGNG124B				Trung tính 4000K				
	NMGFF063B	Đèn pha gấp nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x90x120	40	330.000
	NMGFF064B				Trung tính 4000K				
	NMGFF123B	Đèn pha gấp nam châm	12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	110°	26x90x235	40	510.000
	NMGFF124B				Trung tính 4000K				
	NMGFG063B	Đèn chiếu điểm gấp nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x90x120	40	390.000
	NMGFG064B				Trung tính 4000K				
	NMGFG123B	Đèn chiếu điểm gấp nam châm	12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x90x235	40	590.000
	NMGFG124B				Trung tính 4000K				
	NMGTO103B	Đèn tracklight nam châm	10W/ DC48V	600	Vàng 3000K	24°	45x100	40	450.000
	NMGTO104B				Trung tính 4000K				
	NMGH083B	Đèn thả trần nam châm	8W/ DC48V	600	Vàng 3000K	60°	30x300 Dây dài 1m	40	590.000
	NMGH084B				Trung tính 4000K				

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

PHỤ KIỆN ĐÈN RAY NAM CHÂM



	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói	Giá bán/cái
	NMG-PC150	Bộ nguồn 150W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V	277x26,5x28	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
	NMG-SR10	Thanh ray nam châm lắp nổi siêu mỏng	26x6x1000	25 cái/thùng	190.000
	NMG-SR15		26x6x1500		280.000
	NMG-SR20		26x6x2000		380.000
	NMG-SRI	Khớp nối thẳng thanh ray lắp nổi	30x26x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	50.000
	NMG-SRL	Khớp nối góc thanh ray lắp nổi	55x55x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	80.000
	NMG-SRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp nổi	35x35x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	100.000
	NMG-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W35,4/H21,1mm	66,2x33,6x1000	5 cái/thùng	360.000
	NMG-RR15		66,2x33,6x1500		540.000
	NMG-RR20		66,2x33,6x2000		720.000
	NMG-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
	NMG-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
	NMG1-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W34,2/H22mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
	NMG1-RR15		63x33,2x1500		540.000
	NMG1-RR20		63x33,2x2000		720.000
	NMG2-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm kèm nắp nhựa Khoét trần W34,2/H22mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
	NMG2-RR15		63x33,2x1500		540.000
	NMG2-RR20		63x33,2x2000		720.000
	NMG1-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
	NMG1-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
	NMG-RRC	Nắp chụp nhựa thanh ray nam châm âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	29,4x6,6x1000 Dày: 1mm	15 cái/thùng	20.000
	NMG-RII	Khớp nối trong thanh ray nam châm lắp âm các loại	26x15x190	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	100.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

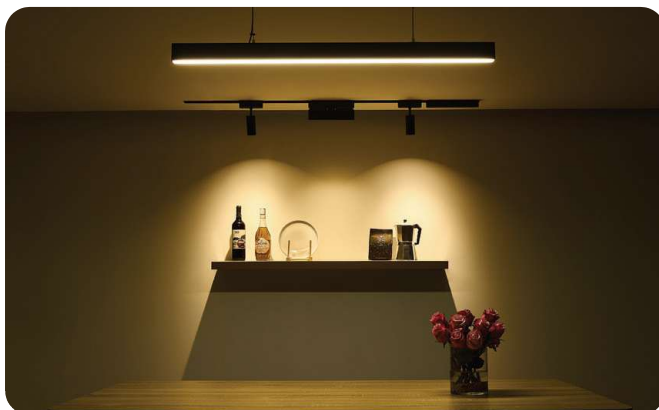


ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- * Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa
- * Sử dụng LED Osram
- * Chiều dài dây 1.2m
- * Kèm bộ phụ kiện lắp thả trần



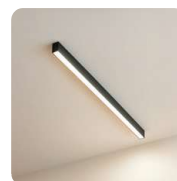
Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (LxWxHmm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen							
NLNF405W	NLNF405B	40W/ 220V	120°	3600	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.150.000
NLNF404W	NLNF404B				Trung tính 4000K			
NLNF403W	NLNF403B				Vàng 3000K			
NLNG365W	NLNG365B	36W/ 220V	24°	2160	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.480.000
NLNG364W	NLNG364B				Trung tính 4000K			
NLNG363W	NLNG363B				Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho
Đèn thả trần - Linear



NLN-S
Phụ kiện lắp nối đèn thả trần
Kích thước 90x34mm
Chiều dài dây 207mm
Đóng gói: 1 bộ/túi, 200 bộ/thùng

47.000



ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



- * Chất liệu: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa
- * Sử dụng LED Bridgelux



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Loại LED	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen								
NSDLC105W	NSDLC105B	10W/220V	800	COB	Trắng 5000K	36°	Φ71/H75	30	420.000
NSDLC104W	NSDLC104B		800		Trung tính 4000K				
NSDLC103W	NSDLC103B		800		Vàng 3000K				
NSDLC155W	NSDLC155B	15W/220V	1.200	COB	Trắng 5000K	36°	Φ91/H90	30	500.000
NSDLC154W	NSDLC154B		1.200		Trung tính 4000K				
NSDLC153W	NSDLC153B		1.200		Vàng 3000K				
NSDL105W	NSDL105B	10W/220V	800	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ71/ H75	30	410.000
NSDL104W	NSDL104B		800		Trung tính 4000K				
NSDL103W	NSDL103B		800		Vàng 3000K				
NSDL155W	NSDL155B	15W/220V	1.200	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000
NSDL154W	NSDL154B		1.200		Trung tính 4000K				
NSDL153W	NSDL153B		1.200		Vàng 3000K				

Phụ kiện
dùng cho
đèn LED
Downlight Trụ



NSDL-CB
Để gắn thả trần đèn downlight trụ đen
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V
Kích thước Φ60/H30mm, 30 cái/thùng

140.000



NSDL-CW
Để gắn thả trần đèn downlight trụ trắng
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V
Kích thước Φ60/H30mm, 30 cái/thùng

140.000

Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

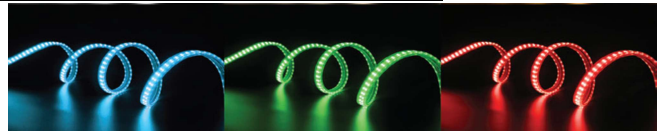
(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED

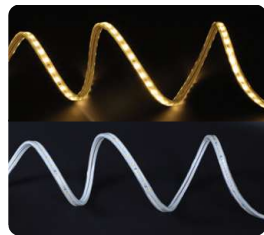


* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao

* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST0604	4.5W/m 230V	180	Trung tính 4000K	60	10 x 7,3 Cuộn 50m	5	1	1	2.574.000
NST0606			Trắng 6500K						
NST060R			Đỏ						
NST060G			Xanh lục						
NST060B			Xanh dương						



ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED



* Chất liệu: PVC Anti-UV
* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,5	1	1	2.585.000
NST0724			Trung tính 4000K						
NST0726			Trắng 6500K						
NST072R			Đỏ						2.791.000
NST072G			Xanh lục						
NST072B			Xanh dương						



ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED - ERIS SERIES



* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTE0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,3	1	1	1.560.000
NSTE0724			Trung tính 4000K						
NSTE0726			Trắng 6500K						



Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 60 và 72 chip LED



NST60-PC
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng

81.000



NST60-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi

14.500



NST60-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi

2.300



NST60-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 cái/túi

2.300



NST60-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi

2.300

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



Cảnh báo: - Không bật đèn LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 1 DÂY LED



* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt chiếu nhám mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
* 1 dây LED có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng
* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST12072	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1	3.873.000
NST12074			Trung tính 4000K						
NST12076			Trắng 6500K						
NST1207R			Đỏ						4.161.000
NST1207G			Xanh lục						
NST1207B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - ERIS SERIES

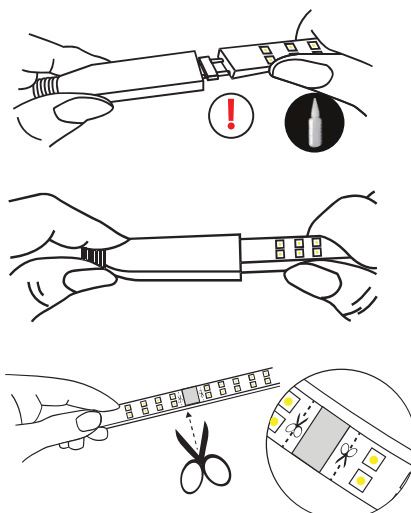


* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* 2 dây LED
* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTE1202	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1	2.320.000
NSTE1204			Trung tính 4000K						
NSTE1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 1 dây LED và ERIS SERIES



NST1207-PC
Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng

98.000



NST1207-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi

14.500



NST1207-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi

2.300



NST1207-C
Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi

2.300



NST1207-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi

2.300

Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 2 DÂY LED

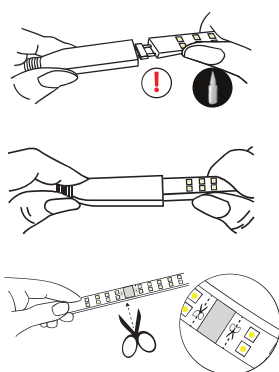


- * Chất liệu: PVC Anti-UV
- * Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng đẹp, tập trung và đều hơn
- * Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST1202	8W/ 230V	600	Vàng 2700K	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.260.000
NST1204			Trung tính 4000K						
NST1206			Trắng 6500K						
NST120R	9W/ 230V	600	Đỏ	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.577.000
NST120G			Xanh lục						
NST120B			Xanh dương						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 2 dây LED



NST-PC
Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi, 50 bộ/thùng
98.000

NST-C
Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi
2.300

NST-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
14.500

NST-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300

NST-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300

NEW

ĐÈN LED DÂY DOB



- * Chất liệu: PVC Anti-UV
- * Đoạn cắt nhỏ: 0,1m
- * Kèm 1 bộ phụ kiện
- * Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
- * 1 dây LED, có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng



Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTD1202	230V 8W/M	780	Vàng 2700K	120	10x50 Cuộn 50m	5	0,1	1	2.820.000
NSTD1204			Trung tính 4000K						
NSTD1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện LED dây DOB

NSTD120-PC
Khớp nối nguồn IP65 (max 50m)
Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít
1 bộ/túi, 50 bộ/thùng
41.000

NSTD120-C
Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300

NSTD120-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
30.000

NSTD120-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



Cảnh báo: - Không bật đèn LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - NEON



* Chất liệu: PVC Anti-UV

* Kèm 1 bộ phụ kiện

*Ánh sáng đều và dịu mắt, không gây chói



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTN1202	8W/m 230V	300	Vàng 2700K	120	15 x 14 Cuộn 50m	13,5	1	1	7.571.000
NSTN1204			Trung tính 4000K						
NSTN1206			Trắng 6500K						

**Phụ kiện dùng cho
LED dây ngoài trời 120 chip
LED NEON**



NSTN120-PC
Driver nguồn - IP65
Max 50m/nguồn
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng

124.000



NSTN120-C
Nẹp gắn tường nhựa
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi

7.300



NSTN120-CA
Nẹp gắn tường nhôm
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi

14.500



NSTN120-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi

28.000



NSTN120-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi

4.200



PHỤ KIỆN ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI DRIVER NON FLICKER

NEW



* Sử dụng với LED dây ngoài trời,
chiều dài tối đa 50m

* Giúp LED dây không nhấp nháy khi
quay video

NST60-PC2
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 250W
cho LED dây NST060X, NSTX072X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L133xW35xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng

450.000

NST-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NST120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng

520.000

NST1207-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NST1207X và NSTE120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng

520.000

NSTD120-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NSTD120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng

520.000

NSTN120-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NSTN120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng

520.000



Cảnh báo: - Không bật đèn LED sáng quá 30s khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 5m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù nối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

NEW ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V



IP 65

Ra 90

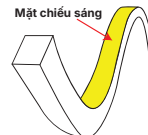
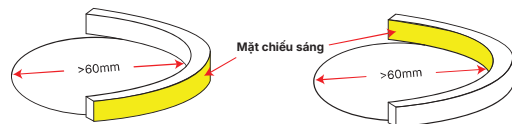
5m

DC 24V

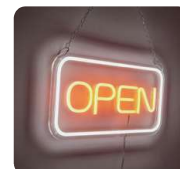
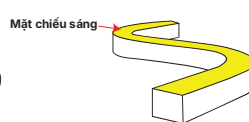
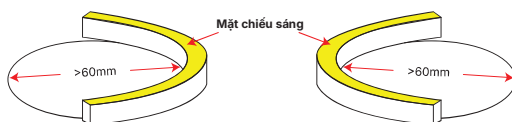
*Chất liệu: PVC Anti-UV, ánh sáng đều và dịu, không gây chói mắt
*Đoạn cắt rất nhỏ, đa dạng PCB và kích thước

Ứng dụng phù hợp với các vị trí có tính thẩm mỹ cao, tính an toàn
+ LED dây Side bend: ứng dụng cho uốn chữ, logo, nhiều nét cong...
+ LED dây Top bend: viền gương, hắt trần, viền tủ, chữ đơn giản, hắt gián tiếp...

TOP BEND



SIDE BEND



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
 NSTS04083	Side bend	5W/m, DC24V	250	Vàng 3000K	140 LED/M 2835 PCB 5mm	04 x 08 x 5000 Cuộn 5m	Điểm bất kì	20	750.000
NSTS04084				Trung tính 4000K					
NSTS04086				Trắng 6500K					
 NSTT06063	Top bend	5W/m, DC24V	350	Vàng 3000K	240 LED/M 2219 PCB 4mm	06 x 06 x 5000 Cuộn 5m	25	20	550.000
NSTT06064				Trung tính 4000K					
NSTT06066				Trắng 6500K					
 NSTS10103	Side bend	7W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	120 LED/M 2835 PCB 6mm	10 x 10 x 5000 Cuộn 5m	50	20	935.000
NSTS10104				Trung tính 4000K					
NSTS10106				Trắng 6500K					
 NSTT10103	Top bend	9W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	126 LED/M 2835 PCB 8mm	10 x 10 x 5000 Cuộn 5m	55,5	20	1.070.000
NSTT10104				Trung tính 4000K					
NSTT10106				Trắng 6500K					

Phụ kiện đèn LED ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V



NSTS0408-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0408 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng

26.000



NSTS0408-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 0408
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng

4.000



NEON



NSTT0606-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0606 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng

26.000



NSTT0606-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 0606
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng

4.000

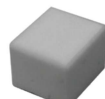


SMD



NST1010-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 1010 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng

26.000



NST1010-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 1010
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng

4.000



NST1010-CA
Nẹp nhôm gắn tường cho LED dây Neon 1010
Đóng gói: 20 cái/ túi
200 cái/thùng

17.000



NSTT1010-MC
Khớp nối giữa LED dây Neon Topbend 1010
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng

32.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



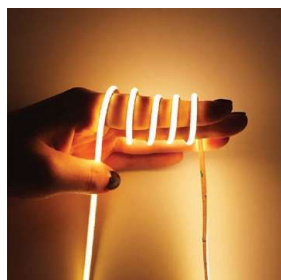
Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY COB - DC 24V



* Dùng với bộ nguồn DC24V IP20 (trang kế tiếp) hoặc nguồn DC24V IP65
* Mặt sau có lớp keo dán màu xanh
* Cuộn LED dây không kèm nguồn



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTC3202-20	IP20 Sử dụng trong nhà	10W/M DC24V	850	Vàng 2700K	320	8x2x5000 Cuộn 5m	50	40	360.000
NSTC3204-20				Trung tính 4000K					
NSTC3206-20				Trắng 6500K					
NSTC3202-65	IP65 Sử dụng ngoài trời	10W/M DC24V	850	Vàng 2700K	320	10x4x5000 Cuộn 5m	50	40	650.000
NSTC3204-65				Trung tính 4000K					
NSTC3206-65				Trắng 6500K					

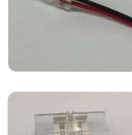
Phụ kiện khớp nối dùng cho LED dây COB



NSTC320-MC20
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20
Đóng gói: 10 cái/túi **36.000**



NSTC320-CW20
Khớp nối dây nguồn (15cm) dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20
Đóng gói: 10 cái/túi **43.000**



NSTC320-MC65
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi **18.000**



NSTC320-CW65
Khớp nối dây nguồn (15cm)
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi **24.000**



NSTC320-E65
Nút bit dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi **36.000**



NSTC320-C
Nẹp gắn tường dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20 & IP65
Đóng gói: 10 cái/túi **58.000**

Bộ nguồn DC24V IP65 cho LED dây ngoài trời

*Bộ nguồn DC24V IP20 cho LED dây trong nhà trang kế tiếp

NST-PS60-2465
Công suất: 60W - IP65
Kích thước: 207x35x23mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 2.5A
Đóng gói: 25 cái/ thùng **750.000**



NST-PS100-2465
Công suất: 100W - IP65
Kích thước: 186x62x34mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 4A
Đóng gói: 25 cái/ thùng **845.000**

NST-PS200-2465
Công suất: 200W - IP65
Kích thước: 223x63x34mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 8.3A
Đóng gói: 25 cái/ thùng **1.210.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

Cảnh báo: - Không bật đèn LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP20 - ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ DC 24V



* Chất liệu: nhựa dẻo FPCB uốn cong dễ dàng
* Thích hợp sử dụng trang trí nội thất với thiết kế phức tạp như hắt trần, trang trí tủ, hộp đèn, bảng hiệu...
* LED dây không được phủ silicon chống nước, vì vậy cần sử dụng ở môi trường khô thoáng tránh ẩm ướt để đảm bảo tuổi thọ đèn

Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID0602	60 LED/M	4.5W/M DC24V	400Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	182.000
NSTID0604				Trung tính 4000K				
NSTID0606				Trắng 6500K				
Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1202	120 LED/M	9W/M DC24V	800Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	252.000
NSTID1204				Trung tính 4000K				
NSTID1206				Trắng 6500K				
Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1682	168 LED/M	12W/M DC24V	1200Lm/M	Vàng 2700K	10 x 1,3 Cuộn 5M	7 chip LED	40	420.000
NSTID1684				Trung tính 4000K				
NSTID1686				Trắng 6500K				

Bộ nguồn DC24V IP20 dùng cho LED dây trong nhà

Bộ nguồn trực tiếp



NST-AD30

Công suất: 30W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 40 cái/ thùng

194.000



NST-AD60

Công suất: 60W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 20 cái/ thùng

293.000

Bộ nguồn tổ ong



NST-PS60-24

Công suất: 60W
Kích thước sản phẩm: 172x34x23mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng

199.000



NST-PS150-24

Công suất: 150W
Kích thước sản phẩm: 195x49x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng

361.000



NST-PS250-24

Công suất: 250W
Kích thước sản phẩm: 258x48x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng

504.000



NST-PS360-24-2

Công suất: 360W
Kích thước sản phẩm: 245x63x31mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Giảm tiếng ồn
Đóng gói 25 cái/ thùng

812.000

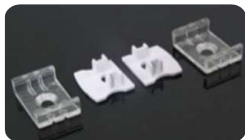
*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



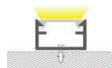
NẠP NHÔM DÙNG CHO LED DÂY TRONG NHÀ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



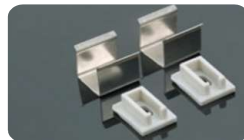
NST-AB1714

Kích thước sản phẩm: 2000x17x14,3mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng



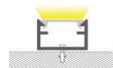
Lắp nổi

205.000



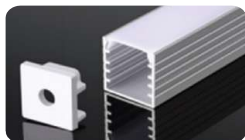
NST-AB1013

Kích thước sản phẩm: 2000x10x13mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 70 cái/thùng



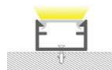
Lắp nổi

192.000



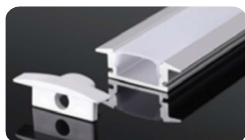
NST-AB1414

Kích thước sản phẩm: 2000x14,2x14,2mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12,5mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng



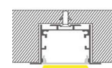
Lắp nổi

192.000



NST-AB2507

Kích thước sản phẩm: 2000x25x7mm
Kích thước lắp âm: 20x8mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng



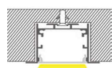
Lắp âm

213.000



NST-AB2414

Kích thước sản phẩm: 2000x24.5x14,2mm
Kích thước lắp âm: 20x15mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 25 cái/thùng



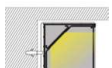
Lắp âm

215.000



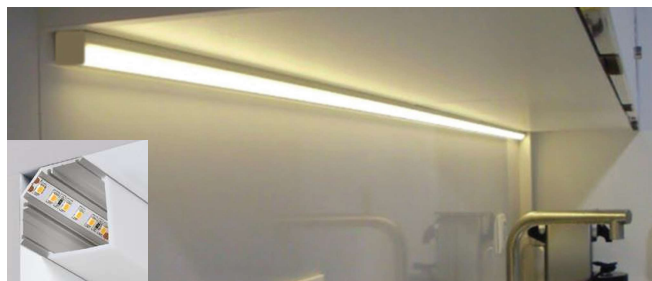
NST-AB1515

Kích thước: 2000x15,7x15,7mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

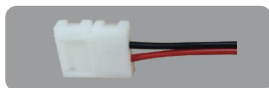


Lắp góc

161.000



Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà



NSTID-CW08

Khớp nối dây nguồn (15cm)
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M
và 120LED/M

6.300



NSTID-CW101

Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

16.000



NSTID-MC08

Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán
60LED/M và 120LED/M

2.800



NSTID-MC101

Khớp nối giữa dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

11.000

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



IP 20

Điều khiển bằng remote, ứng dụng trên điện thoại qua app
Mặt sau có lớp keo dán
Kèm phụ kiện: Adapter đổi nguồn (dài 1,6m), remote, bộ điều khiển, phụ kiện lắp đặt (keo dán, vít)
Ứng dụng đa dạng trang trí phòng ngủ, studio, gaming setup hoặc làm đèn nền TV...



ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Tính năng	Số LED/m	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID0324C	07W; Output DC24V Input AC100V-240V	Đổi màu RGB	- RGBIC (RGB + IC Chip) cho phép hiển thị nhiều màu cùng lúc trên một dải LED - Tùy chỉnh từng phân đoạn đèn để phối màu cá nhân hóa không gian sống - Hiệu ứng ánh sáng động đa dạng: Chạy màu, sóng, cầu vồng, flash, lượn sóng, và nhiều kiểu khác tùy chỉnh theo phong cách của bạn - Chế độ cảm biến âm nhạc: Đèn nhấp nháy và đổi màu theo giai điệu nhạc - Tùy chỉnh lịch trình, hẹn giờ thông minh - Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)	30	10x3mm Cuộn 3M	20	550.000
NSTID1524C	19W; Output DC24V Input AC100V-240V		- Nhiều hiệu ứng cài sẵn, dễ dàng điều chỉnh độ sáng - Đồng bộ âm nhạc qua app: Đèn nhấp nháy theo giai điệu nhạc - Hẹn giờ thông minh - Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)	15	10x2mm Cuộn 15M	20	980.000

NEW

ĐÈN PHA - TECH SERIES



CRI Ra80



IP IK 66 06

* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06
* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng băng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...
* PF>0,9 đối với đèn pha từ 30W trở lên
* Có van thoát khí đối với đèn pha từ 30W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFT0106	10W/220V	1.100	Trắng 6500K	86 x 74 x 26	0,15	30	180.000
NLFT0104			Trung tính 4000K				
NLFT0103			Vàng 3000K				
NLFT0206	20W/220V	2.200	Trắng 6500K	98 x 82 x 24	0,18	30	215.000
NLFT0204			Trung tính 4000K				
NLFT0203			Vàng 3000K				
NLFT0306	30W/220V	3.600	Trắng 6500K	124 x 104 x 27	0,26	30	275.000
NLFT0304			Trung tính 4000K				
NLFT0303			Vàng 3000K				
NLFT0506	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	172 x 135 x 28	0,48	20	400.000
NLFT0504			Trung tính 4000K				
NLFT0503			Vàng 3000K				
NLFT1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	232 x 196 x 37	0,92	8	930.000
NLFT1004			Trung tính 4000K				
NLFT1003			Vàng 3000K				
NLFT1506	150W/220V	18.000	Trắng 6500K	303 x 235 x 39	1,61	6	1.365.000
NLFT1504			Trung tính 4000K				
NLFT1503			Vàng 3000K				
NLFT2006	200W/220V	24.000	Trắng 6500K	368 x 295 x 44	2,35	4	2.025.000
NLFT2004			Trung tính 4000K				
NLFT2003			Vàng 3000K				
NLFT3006	300W/220V	36.000	Trắng 6500K	405 x 325 x 48	3,25	4	3.080.000
NLFT3004			Trung tính 4000K				
NLFT3003			Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - JANUS SERIES



CRI Ra80



IP IK 66 06

* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06
* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao, phù hợp chiếu sáng băng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...
* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFM0106	10W/220V	700	Trắng 6500K	101 x 81 x 22	0,135	20	180.000
NLFM0103			Vàng 3000K				
NLFM0206			Trắng 6500K				
NLFM0203	20W/220V	1.400	Vàng 3000K	125 x 101 x 24	0,2	20	265.000
NLFM0306			Trắng 6500K				
NLFM0303			Vàng 3000K				
NLFM0506	50W/220V	4.500	Trắng 6500K	163 x 133 x 29	0,43	20	585.000
NLFM0503			Vàng 3000K				
NLFM1006	100W/220V	9.000	Trắng 6500K	231 x 182 x 33	0,84	10	1.150.000
NLFM1003			Vàng 3000K				
NLFM1506	150W/220V	13.500	Trắng 6500K	270 x 221 x 36	1,26	10	1.490.000
NLFM1503			Vàng 3000K				
NLFM2006	200W/220V	18.000	Trắng 6500K	320 x 260 x 36	1,72	10	2.330.000
NLFM2003			Vàng 3000K				

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN PHA - VENUS SERIES

(* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06

* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn

* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFV0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	250.000
NLFV0104		1.000	Trung tính 4000K				
NLFV0103		950	Vàng 3000K				
NLFV0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	340.000
NLFV0204		2.000	Trung tính 4000K				
NLFV0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFV0306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	107 x 141 x 38	0,423	30	425.000
NLFV0304		3.000	Trung tính 4000K				
NLFV0504	50W/220V	5.000	Trung tính 4000K	135 x 175 x 42	0,664	20	655.000
NLFV0503		4.750	Vàng 3000K				
NLFV1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	195 x 255 x 40	1,467	8	1.600.000
NLFV1003		11.400	Vàng 3000K				
NLFV1506	150W/220V	18.000	Trắng 6500K	240 x 300 x 42	2,259	6	2.050.000
NLFV1503		17.100	Vàng 3000K				
NLFV2006	200W/220V	24.000	Trắng 6500K	285 x 345 x 46	3,241	4	3.250.000
NLFV2003		22.800	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - HIGH SERIES



* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK08

* Thiết kế mặt kính thủy tinh truyền thống, kích thước lớn tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao, phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời không gian rộng cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..

* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên

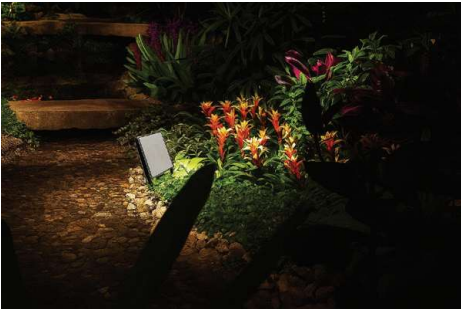


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFH0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	130 x 110 x 41	0,38	20	300.000
NLFH0103		950	Vàng 3000K				
NLFH0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	181 x 158 x 50	0,67	20	415.000
NLFH0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFH0306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	196 x 172 x 52	0,79	20	495.000
NLFH0503	50W/220V	4.750	Vàng 3000K	240 x 210 x 60	1,13	10	720.000
NLFH0706	70W/220V	7.000	Trắng 6500K	255 x 285 x 60	1,74	5	1.245.000
NLFH1006	100W/220V	11.000	Trắng 6500K	310 x 345 x 80	3,5	1	2.100.000
NLFH1506	150W/220V	16.500	Trắng 6500K	350 x 380 x 97	5	1	2.730.000
NLFH2006	200W/220V	22.000	Trắng 6500K	430 x 480 x 105	9,8	1	4.350.000

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu: thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC chịu lực cao
* Được lựa chọn là thiết bị chiếu sáng hắt tường ngoài trời cho các tòa nhà, biệt thự, đường hầm, sân vận động, chiếu sáng sân vườn, đèn pha biển quảng cáo... tạo màu ánh sáng tốt và tạo điểm nhấn cho các công trình công cộng.
* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLF1106	10W/220V	800	Trắng 6000K	117 x 27 x 138	0,29	12	209.000
NLF1206	20W/220V	1600	Trắng 6000K	134 x 27 x 159	0,37	12	285.000
NLF1303	30W/220V	2280	Vàng 3000K	167 x 36 x 220	0,65	12	418.000
NLF1504	50W/220V	4000	Trung tính 4000K	222 x 38 x 301	1,1	6	637.000
NLF1503		3800	Vàng 3000K				



ĐÈN PHA SOLAR SUNNY SERIES - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



- Thời gian chiếu sáng:
+ 12 giờ (auto)
+ 5-6h ở chế độ full sáng
- Thời gian sạc đầy pin: 6-8 giờ
Chất liệu đèn LED: thân nhôm đúc, mặt kính cường lực

Nguyên lý hoạt động cơ bản:
1.Năng lượng ánh sáng mặt trời được chuyển thành điện năng thông qua tấm solar để sạc cho bộ pin LiFePO4 tích hợp bên trong bộ đèn vào ban ngày.
2.(*) Khi đèn hoạt động bộ pin LiFePO4 cung cấp điện năng cho bộ đèn sáng duy trì tới 12H (AUTO MODE) trước khi cạn hết điện.
3.Quá trình 1 và 2 được lặp lại.

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS1006	100W	1.ON/OFF	Trắng 5700K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	7	190 x 240 x 17	LiFePO4	6	3	1.700.000
NLFSS2006	200W	2.DIMMING		2000	220 x 232 x 60.4		13	240 x 350 x 17		12	3	2.450.000
NLFSS3006	300W	3.TIMER		3000	320 x 340 x 63.5		20	350 x 350 x 17		18	2	3.600.000
NLFSS4006	400W	4.AUTO		4800	320 x 340 x 63.5		32	350 x 500 x 17		36	2	4.350.000

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS10061	100W	1.ON/OFF	Trắng 6500K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	5V/ 15 W	350 x 350 x 15	LiFePO4	12	3	2.100.000
NLFSS20061	200W	2.DIMMING		2000	220 x 232 x 60.4		5V/ 25 W	500 x 350 x 15		24	3	3.060.000
NLFSS30061	300W	3.TIMER		3000	320 x 340 x 63.5		5V/ 35 W	500 x 500 x 15		30	2	4.430.000
NLFSS40061	400W	4.AUTO		4000	320 x 340 x 63.5		5V/ 45 W	445 x 670 x 15		42	2	5.380.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN PHA SOLAR - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

(* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



*** Nguyên lý hoạt động:**

- Sử dụng tấm năng lượng mặt trời solar để tạo ra điện năng
- Điện năng tạo ra từ tấm solar được sạc cho pin gắn tích hợp bên trong đèn pha LED
- Điện năng tích trữ bên trong pin cung cấp cho đèn nên hoạt động của đèn ổn định trong thời gian pin dự trữ còn đủ đủ thời tiết không đủ nắng.

- * Chất liệu đèn: thân kim loại đúc, mặt kính cường lực
- * Chất liệu solar: Polycrystal
- * Thời gian chiếu sáng khi đầy pin ở chế độ Auto: 12 giờ
- * Thời gian sạc: 8-10 tiếng
- * Loại 40W, 60W có độ sáng cao > 150lm/W

Các chức năng điều khiển bằng remote



THÔNG SỐ ĐÈN PHA								THÔNG SỐ TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI				GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Loại chip LED	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công suất pin dự trữ	Đóng gói (cái/thùng)	Mã tấm solar	Công suất tấm solar	Kích thước solar Dài x Cao x Rộng (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFS040610L	40W	Epistar	Trắng 6500K	600	213 x 70 x 190	3,2V 10Ah	10	NLFS040610S	6V10WP	230 x 350 x 17	10	1.200.000
NLFS060615L	60W			960	237 x 77 x 211	3,2V 15Ah	10	NLFS060615S	6V15WP	350 x 350 x 17	10	1.500.000
NLFS100625L	100W			1100	285 x 91 x 249	3,2V 20Ah	5	NLFS100625S	6V25WP	530 x 350 x 17	5	1.990.000
NLFS200635L	200W			1700	351 x 91 x 285	3,2V 30Ah	5	NLFS200635S	6V35WP	680 x 350 x 17	5	2.400.000
NLFS300650L	300W			3000	435 x 95 x 370	3,2V 40Ah	4	NLFS300650S	6V50WP	670 x 535 x 30	4	4.250.000

ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN - ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SÂN VƯỜN



NTZ10200 Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 3W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PMMA - Quang thông: 135lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x197mm
- Kích thước tấm solar: 160x160x1x2x0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 3600mAh 5V 4,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 4 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

615.000



NTZ06200 Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chứa trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

600.000



NTZ06250 Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chứa trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

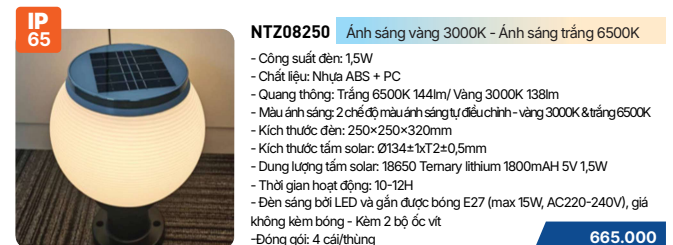
690.000



NTZ08200 Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

580.000



NTZ08250 Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

665.000

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ - ĐÈN NGOÀI TRỜI

IP 65

NBLS015 - Đèn
NBLS015W - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 120x80x35mm
- Quang thông: 260lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

190.000

IP 65

NBLS016 - Đèn
NBLS016W - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 175x80x40mm
- Quang thông: 420lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

200.000

IP 65

NBLS031 - Đèn
NBLS031W - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC85-265V
- Kích thước: 220x80x45mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

IP 65

NBLS13SQ - Đèn
NBLS13SQW - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 100x100x100mm
- Quang thông: Tùy thuộc vào điều chỉnh hướng sáng
- CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

310.000

IP 65

NBLS213 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 12W/ AC85-265V
- Kích thước: 125x125x260mm
- Quang thông: 564lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Sanan SMD
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

660.000

IP 65

NBLS22411 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x160mm
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

520.000

IP 65

NBLS04 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 80x75x63mm
- Quang thông: 225lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

180.000

IP 65

NBLS80041 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 162lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

Dự kiến thời gian có hàng T04/2026 260.000

IP 65

NBLS80031 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 186lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

Dự kiến thời gian có hàng T04/2026 280.000



IP 65

NBLS252 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 130lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

240.000

IP 65

NBLS254 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 75x75x52mm
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

IP 65

NBLS22512 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 60x70x138mm
- Quang thông: 265lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

Dự kiến thời gian có hàng T04/2026 440.000

IP 65

NBLS22412 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x260mm
- Quang thông: 700lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

670.000

IP 65

NBLS05 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 140x65x70mm
- Quang thông: 510lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

IP 65

NBLS8004 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

340.000

IP 65

NBLS8003 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 348lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

360.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN LỐI ĐI - Stella Series

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Ánh sáng vàng 3000K

*Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa

*Đèn lõi đi cảm biến có khoảng cách hoạt động từ 1-3m, góc 120 độ, thời gian hoạt động 30-45 giây sau khi kết thúc chuyển động

Mã sản phẩm		Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	CHIP LED	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen								
NSLM901W	NSLM901B	Lắp nổi	03W/ 220V	90°	CREE XPE	33-50lm	L88xH88 xW25mm	40	510.000
NSLM901WS	NSLM901BS	Lắp nổi, cảm biến							660.000
NSLX901W	NSLX901B	Lắp âm					L90xH90x W57mm (Khoét lỗ L81xH81xW50mm)		460.000
NSLX901WS	NSLX901BS	Lắp âm, cảm biến							590.000

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



* Chất liệu: Nhôm

* Sử dụng Triac Dimmer

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Màu thân đèn/ Chóa phản quang	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSDL12W309040W54	12W/ 220V	Vàng 3000K	Trắng/ Trắng	960	Ø75xH100	50	1.009.000
NSDL12W409040W54		Trung tính 4000K	Trắng/ Trắng	960			1.009.000
NSDL12W309040B54		Vàng 3000K	Đen/ Đen	960			1.009.000
NSDL12W409040B54		Trung tính 4000K	Đen/ Đen	960			1.009.000

ĐÈN TRẦN - Tuổi thọ 20,000 giờ



NCL1333 Ánh sáng vàng 3000K

NCL1333-6 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 15W/AC220-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 1057lm - CRI: Ra84 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

1.903.000



NSDL7205W - Màu trắng

NSDL7205B - Màu xám đậm

- Sử dụng bóng E27 (H_{max} < 116mm)/AC110-240V
- Kích thước: Ø108mm/H155mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Không bao gồm bóng

793.000



NDL1833-73 Ánh sáng vàng 3000K

NDL1833-76 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220V
- Kích thước: Ø110/ H60 mm - Khoét trần: Ø 90mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

981.000



NSDL2236-73 Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-76 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82 - PF: 0,53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

1.371.000



NDL1831-103 Ánh sáng vàng 3000K

NDL1831-106 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 10W/AC220V
- Kích thước: Ø115/H75mm - Khoét trần: Ø 105mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°
- Điều chỉnh góc chiếu 20°

1.212.000



(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Tuổi thọ 20,000 giờ - ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 65

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1291A **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 20W/ AC220-240V~50Hz
- Kích thước: L500 x W60 x H60mm - Trọng lượng: 3,1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0,92
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

2.564.000

IP 65

Đèn tường LED vàng màu gỗ

NBL1291AWD **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 20W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 500x65x60mm
- Chip LED: Philips2835
- Quang thông: 1742lm - CRI: 84 - PF: 0,92
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 107°

3.320.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 **Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K**

NBL2891-6 **Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K**

NBL2891B **Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 7W/ AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85 - PF: 0,9
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

930.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 **Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K**

NBL2541-6 **Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6000K**

NBL2541B **Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1,7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83 - PF: 0,90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

1.860.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 **Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K**

NBL2553-6 **Màu trắng, ánh sáng trắng 6000K**

NBL2553S **Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0,6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

1.244.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 **Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K**

NBL2621-6 **Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K**

NBL2621B **Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0,84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

1.709.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621WD **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 2x7W/ 220V-240V, 50-60Hz
- Kích thước: 62x87x144mm
- Chip LED: CREE1304
- Quang thông: 1365lm - CRI: >80 - PF: 0,87
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 73°

1.900.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1141B **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 1x7W/ 220V-240V, 50-60Hz
- Kích thước: 120x120x58 mm
- Chip LED: Cree
- Quang thông: 355lm - CRI: Ra80 - PF: 0,9
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh mờ
- Góc chiếu: 98°

1.580.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2233 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L135xW96xH135mm - Trọng lượng: 1,5kg
- Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81 - PF: 0,91
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 18°

1.817.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2851 **Ánh sáng vàng 3000K**

NBL2851-6 **Ánh sáng trắng 6000K**

- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82 - PF: 0,92
- Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 37°

1.936.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2691 **Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K**

NBL2691S **Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0,5kg
- Quang thông: 374lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°

1.136.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2613WD **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 115x90x90mm
- Chip LED: CREE
- Quang thông: 460lm - CRI: >80 - PF: 0,88
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 22/90°

1.660.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54



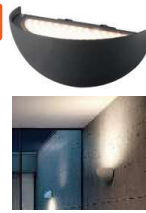
Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2721 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

1.709.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1951B Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 80x0.11W
- Kích thước: 243x132x122 mm
- Chip LED: Philips4014
- Quang thông: 782lm - CRI >Ra80 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 98°

2.060.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

NBL3181

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 290x137x100mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Giá không bao gồm bóng

1.350.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2622 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0,64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

1.168.000

IP 65



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1791 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1,6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85 - PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

1.860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL5705A Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250 mm
- Trọng lượng: 1,1kg
- Quang thông: 850lm - CRI: Ra85 - PF: 0,99
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa.
- Góc chiếu: 103°

1.557.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

NBB1466

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290 mm
- Trọng lượng: 2,6kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Giá không bao gồm bóng

1.634.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL3062WD Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 125x126x250 mm
- Chip LED: Philips3014
- Quang thông: 234lm - CRI: >80 - PF: 0,93
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa nhựa
- Góc chiếu: 66°

1.900.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

NGL3431WD

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 135x135x220mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh.
- Giá không bao gồm bóng

1.660.000



ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 54



Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

NBB1463

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/AC220-240V)
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2,5kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhũy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.860.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

NGL8453 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0,95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 38°

1.557.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

NGL2723 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2,4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0,89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

1.936.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

NGL1913 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø90mm/H650mm - Trọng lượng: 1,22kg
- Quang thông: 415lm - CRI: Ra85
- PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 71°

1.774.000

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Tuổi thọ 20,000 giờ - ĐÈN SÂN VƯỜN

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL8464 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: L110xW110xH650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra85
- PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 38°

2.542.000

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL8414 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W (1x15W)/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø120mm/H650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 82°

2.629.000

IP 54

Đèn sân vườn dùng bóng
NGL3433WD

- Công suất: sử dụng bulb E27 max 15W
AC 220V-240V/ 50-60Hz
- Kích thước: 145x145x600 mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh
- Giá không bao gồm bóng

2.810.000

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL8434A Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W /AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2,9kg
- Quang thông: 449lm - CRI: Ra84 - PF: 0,94
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

IP 65

Đèn sân vườn LED
NGL3483 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: Ø240xH650 mm
- Quang thông: 610lm - CRI: >80 - PF: 0,9
- Chip LED: Philips4014
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Chỉnh góc: 90°

2.890.000



Tuổi thọ 20,000 giờ - ĐÈN ÂM ĐẤT

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2291 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø67xH117mm - Trọng lượng: 0,29kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

757.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2292 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC100-240V~50Hz
- Kích thước: L67xW67xH117mm - Trọng lượng: 0,31kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

800.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2641 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.417.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2642 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.557.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1211 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 110°

1.634.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1212 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 99°

1.634.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1214 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°

1.634.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN LỐI ĐI - Tuổi thọ 20,000 giờ

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1713A **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 3W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0,3kg
- Quang thông: 133lm - CRI: Ra83
- PF: 0,5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

855.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1711A **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0,7kg
- Quang thông: 450lm - CRI: Ra83
- PF: 0,5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

1.557.000

IP 65

Đèn sân vườn LED chiếu chân

NSL2781 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65

Đèn LED gắn chiếu chân âm tường

NSL1121A **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 4W (12x0,3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0,5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 129lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

908.000

IP 65

Đèn sân vườn LED chiếu chân

NSL2782 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân âm tường

NSL2102 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

660.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1802 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 1W(1x1W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH40mm - Trọng lượng: 0,18kg
- Quang thông: 95lm - PF: 0,45 - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

844.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân âm tường

NSL2101 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

617.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2746 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 10W(1x10W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 656lm - CRI: Ra83
- PF: 0,99
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°

1.396.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2862 **Ánh sáng vàng 3000K**

- Công suất: 6W(3x2W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L83xW107xH380mm - Trọng lượng: 0,79kg
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80
- PF: 0,81
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 24°

1.601.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm **1.482.000**

NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm **1.634.000**

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.709.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1,1kg
- PF: 0,99 - CRI: Ra82
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm **1.634.000**

NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm **1.785.000**

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.860.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1,38kg
- PF: 0,99 - CRI: Ra82
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Đèn thoát hiểm - ĐÈN EXIT



ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT HIỂM



IP
40

NEX2108C1 - Đèn thoát hiểm LED
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 5,5W/AC220-240V/50Hz~60Hz, 0.07A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 40mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 10 cd/m²

- Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP40
- Chất liệu: Nhựa PC
- Kèm 1 hình chỉ hướng lối thoát mã NEXF-E
- Đóng gói: 12 cái/thùng

735.000

Phụ kiện dùng kèm đèn thoát hiểm

Hình chỉ hướng



NEXF-L
1 mặt trái 26.000



NEXF-R
1 mặt phải 26.000



NEXF-D
1 mặt xuống 26.000



NEXF-U
1 mặt lên 26.000



NEXF-LR
1 mặt trái & phải 26.000



NEXF-TL
1 mặt toilet trái 26.000



NEXF-TR
1 mặt toilet phải 26.000



NEXF-TD
1 mặt toilet xuống 26.000



NEXF-TU
1 mặt toilet lên 26.000



NEXF-E
Đèn báo Exit 26.000



Bộ phụ kiện gắn treo trần

NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần
Chiều dài dây treo 1m

50.000



Bộ phụ kiện gắn tường

NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường

13.000

Đèn chiếu sáng khẩn cấp - ĐÈN EMERGENCY

NEM21351 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 2W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: 280 x 280 x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Li-ion 3,7V/2,2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Có thể điều chỉnh đèn theo 340° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
- Đóng gói: 6 cái/thùng

IP
20



770.000



Đèn Downlight chiếu sáng khẩn cấp - ĐÈN DOWNLIGHT EMERGENCY

NDLE036 - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 3,5W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65 - 70mm/H50mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥125lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 48 cái/thùng

IP
20



625.000



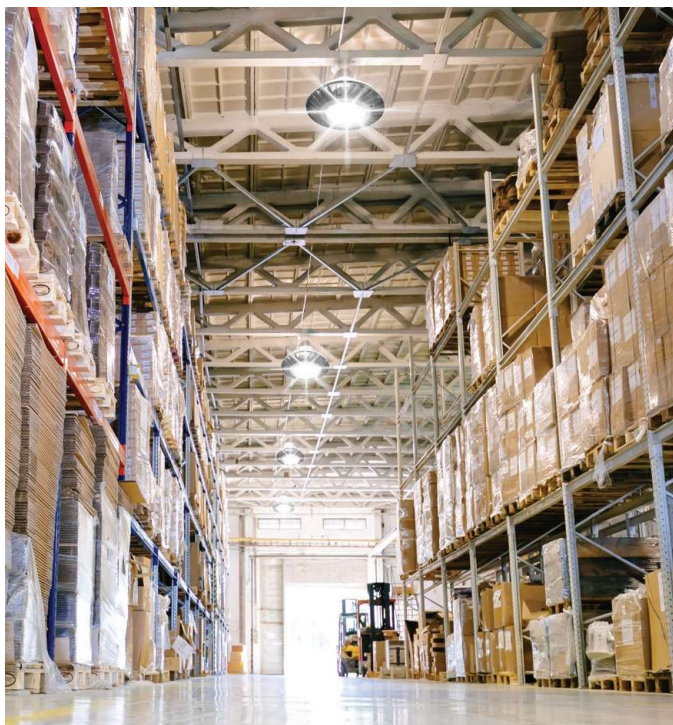
*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ



ĐÈN HIGHBAY - Đèn nhà xưởng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- Điện thế sử dụng: 220-240V AC, 50/60Hz
- Ánh sáng trắng 6500K
- Nhiệt độ hoạt động: $-20 \pm 45^{\circ}\text{C}$
- Chất liệu: thân đèn hợp kim nhôm ADC12
- Đóng gói: 1 cái/thùng



Kích thước: Ø220mm/H: 98,5mm
NHB10061 - 13.000lm - Công suất 100W **1.540.000**



Kích thước: Ø260mm/H: 98,5mm
NHB15061 - 19.500lm - Công suất 150W **2.075.000**

Kích thước: Ø300mm/H: 98,5mm
NHB20061 - 26.000lm - Công suất 200W **2.530.000**

PIN



* Pin lithium dung lượng chuẩn đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả và ổn định

* An toàn vượt trội với vỏ kín ngăn ngừa rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường và thiệt hại tiềm tàng cho các thiết bị.

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Loại pin	Điện áp (V)	Dung lượng (mAh)	Kích thước sản phẩm (mm)	Bảo hành (Năm)	Đóng gói (pin/vi)	Đóng gói (pin/hộp)	Giá bán/pin	Giá bán/vi
	NLR03-2	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	2	24	10.000	20.000
	NLR03-4	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	4	48	10.000	40.000
	NLR6-2	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	2	24	13.000	26.000
	NLR6-4	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	4	48	13.000	52.000
	NCR2025	Lithium	3V	160	20x2,5	3	5	50	17.600	88.000
	NCR2032	Lithium	3V	220	20x3,2	3	5	50	17.600	88.000